PETROLIMEX

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

TỔNG CÔNG TY
HÓA DẦU PETROLIMEX

PHƯƠNG THẢO HIỀN
Digitally signed by PHƯƠNG THẢO HIỀN
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Quận Đống Đa, OU=TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP, T=NHÂN VIÊN, CN=PHƯƠNG THẢO HIỀN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=CCCD:001178000050
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.04.18 20:36:26+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.0.2

chuyển động cùng ***Kỷ nguyên mới***

"Tiên phong Công nghệ
Cộng hưởng Sức mạnh
Nâng tầm Giá trị

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT 4
2. Con số nổi bật năm 2025 6
3. Danh hiệu và giải thưởng 8
4. Tình hình tài chính giai đoạn 2021 – 2025 10

CHƯƠNG I

GIỚI THIỆU VỀ TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX

1. Thông tin khái quát 14
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 15
3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh 18
4. Định hướng phát triển 28
5. Các rủi ro 29

CHƯƠNG II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 32
2. Tổ chức và nhân sự 34
3. Tình hình tài chính hợp nhất 36
4. Báo cáo tình hình hoạt động và tình hình tài chính của các công con, công ty liên kết 38
5. Cơ cấu cổ đông 40

CHƯƠNG III

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 44
2. Tình hình tài chính 50
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý 53
4. Kế hoạch và định hướng năm 2026 54
5. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội 55

CHƯƠNG IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của Tổng công ty 60
2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc 60
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT 61

CHƯƠNG V

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Cơ cấu và hoạt động của hội đồng quản trị 63
2. Ban kiểm soát 64
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban tổng giám đốc và ban kiểm soát 70
4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan năm 2025 70

CHƯƠNG VI

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Mục tiêu và định hướng chiến lược phát triển bền vững 72
2. Mối quan hệ bền vững với các bên liên quan 73
3. Tiêu chuẩn môi trường 75
4. Hiệu quả kinh tế 77
5. Tiêu chuẩn xã hội 78

CHƯƠNG VII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Thông tin về doanh nghiệp 82
2. Báo cáo của ban tổng giám đốc 83
3. Báo cáo kiểm toán độc lập 84
4 Bảng cân đối kế toán 86
5 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 87
6 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 91
7 Thuyết minh báo cáo tài chính 92

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

"Năm 2026 PLC định hướng tập trung tái cấu trúc thực chất; siết chặt kỷ luật, nâng cao trách nhiệm; kiểm soát chặt chẽ đầu tư, chi phí, dòng tiền; hoàn thiện quản trị rủi ro; tập trung vào lĩnh vực cốt lõi và đẩy mạnh chuyển đổi số...

Kính thưa quý vị cổ đông và các nhà đầu tư,

Năm 2025, môi trường kinh doanh tiếp tục nhiều biến động, đặt ra yêu cầu cao hơn về năng lực quản trị, kiểm soát rủi ro và hiệu quả sử dụng nguồn lực. Bên cạnh tác động từ thị trường, Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC) xác định rõ những tồn tại nội tại như hiệu quả một số lĩnh vực chưa tương xứng, công tác quản trị còn hạn chế, kỷ luật tài chính và điều hành cần được tăng cường.

Hội đồng quản trị PLC đã chỉ đạo rà soát toàn diện, xác định các tồn tại và triển khai các giải pháp có trọng tâm, gắn trách nhiệm người đứng đầu. Ban điều hành đã nỗ lực ổn định hoạt động, kiểm soát chi phí và giữ vững thị trường; tuy nhiên, kết quả đạt được mới là bước đầu, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh.

Bước sang năm 2026, Hội đồng quản trị PLC định hướng tập trung tái cấu trúc thực chất; siết chặt kỷ luật, nâng cao trách nhiệm; kiểm soát chặt chẽ đầu tư, chi phí, dòng tiền; hoàn thiện quản trị rủi ro; tập trung vào lĩnh vực cốt lõi và đẩy mạnh chuyển đổi số. Đây là giai đoạn củng cố nền tảng, tạo tiền đề cho tăng trưởng bền vững.

Hội đồng quản trị PLC cam kết thực hiện đầy đủ vai trò định hướng và giám sát, đảm bảo các quyết sách được triển khai một cách hiệu quả, minh bạch và phù hợp với quy định pháp luật; đồng thời kiên định mục tiêu nâng cao giá trị doanh nghiệp và bảo vệ lợi ích của cổ đông.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự đồng hành của Quý vị Cổ đông, các Nhà đầu tư, đối tác và khách hàng, và mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ trong quá trình đổi mới và phát triển của Tổng công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đỗ Hữu Tạo

CON SỐ NỔI BẬT 2025

DOANH THU HỢP NHẤT

7.774.048
triệu đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT

68.542
triệu đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT

26.985
triệu đồng

VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG

1.955.301
triệu đồng

NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

816.801
triệu đồng

SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN

758
người

3. DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Trong 32 năm qua, với những kết quả tăng trưởng về sản lượng, về doanh số, về thị phần của PLC trong xu thế cạnh tranh ngày càng tăng. Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đã được Nhà nước, cơ quan quản lý nhà nước trao tặng những phần thưởng cao quý; đặc biệt là sự tín nhiệm của người tiêu dùng trong cả nước. Đó là sự công nhận và là những bằng chứng cho sự cố gắng, nỗ lực không ngừng của tập thể CB-NLĐ TCT PLC nhằm hướng tới mục tiêu thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng cụ thể:

NĂM

2007

ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

NĂM

2009

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT

NĂM

2014

HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG BA

NĂM

2018

CHỨNG NHẬN DẦU MỠ NHỜN PETROLIMEX LÀ HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

DO HỘI DOANH NGHIỆP HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO CÔNG NHẬN

NĂM

2019

CHỨNG NHẬN HÀNGVIỆT NAM TIN DÙNG 2019

DO HỘI SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM VÀ HIỆP HỘI CÁC NHÀ BÁN LẺ VIỆT NAM CÔNG NHẬN

TOP 10 SẢN PHẨM VÀNG VIỆT NAM 2019

DO HỘI SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM CÔNG NHẬN

NĂM

2021

CỜ THI ĐUA CỦA ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

NĂM

2024

BỘ TÀI CHÍNH TẶNG DANH HIỆU "TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC NĂM 2024"

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NỔI BẬT GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

VỐN CHỦ SỞ HỮU

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

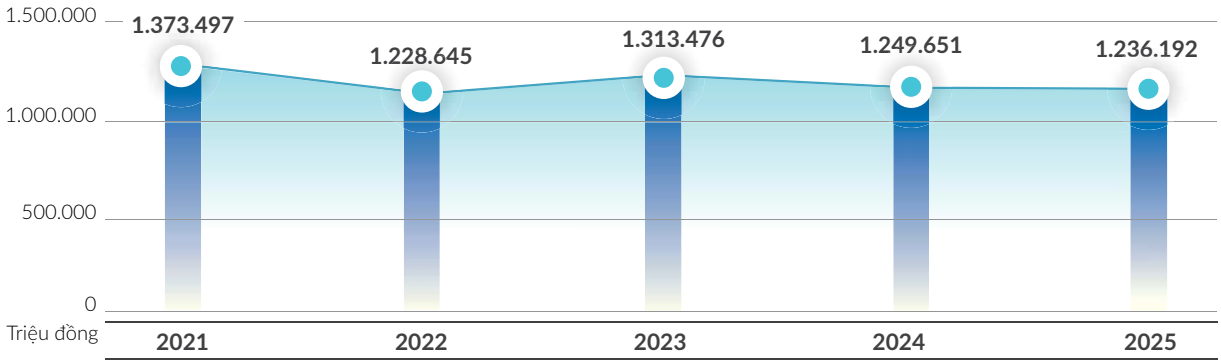

TỔNG TÀI SẢN

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

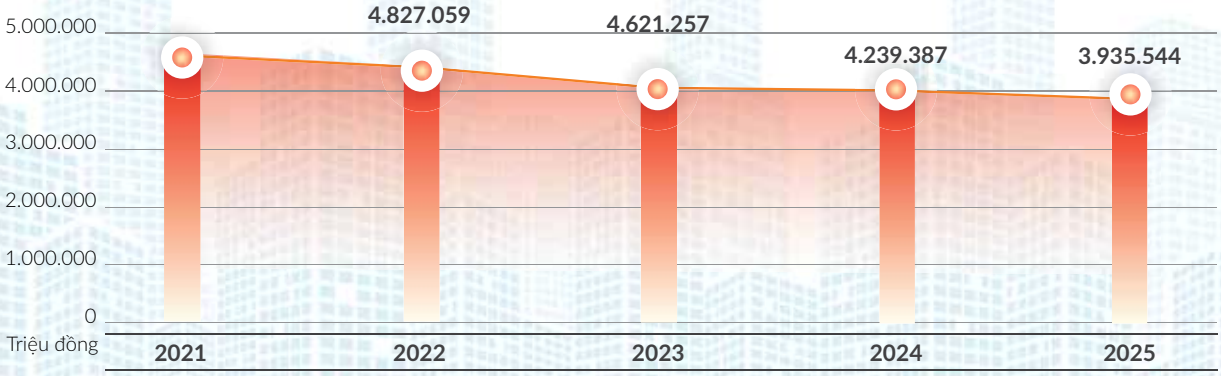

TỔNG DOANH THU

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

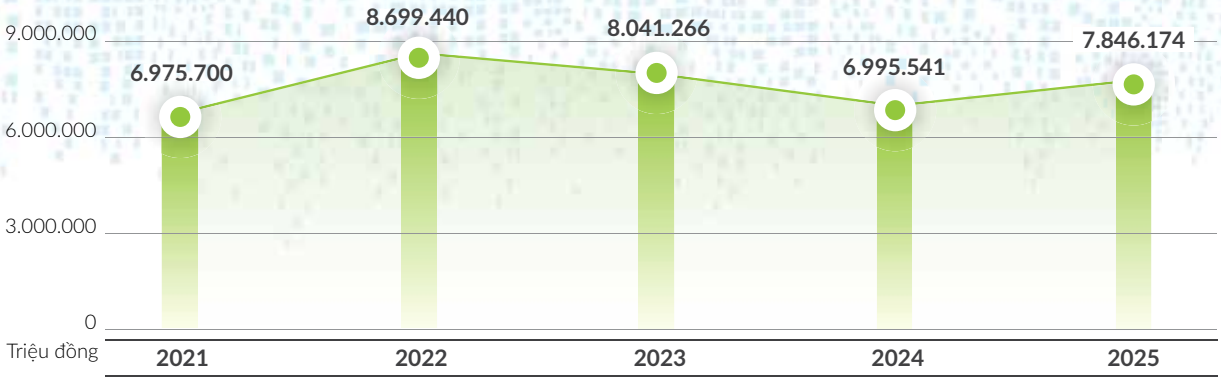

TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

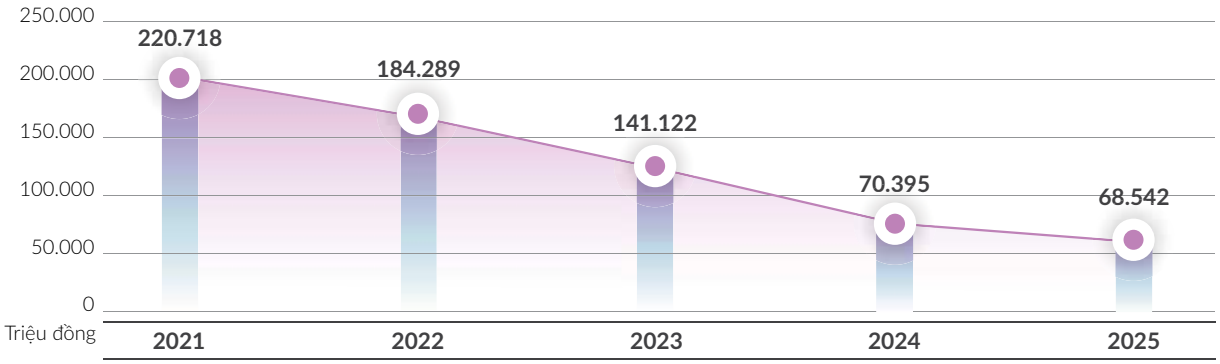

LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (EPS)

(Đơn vị tính: Đồng)

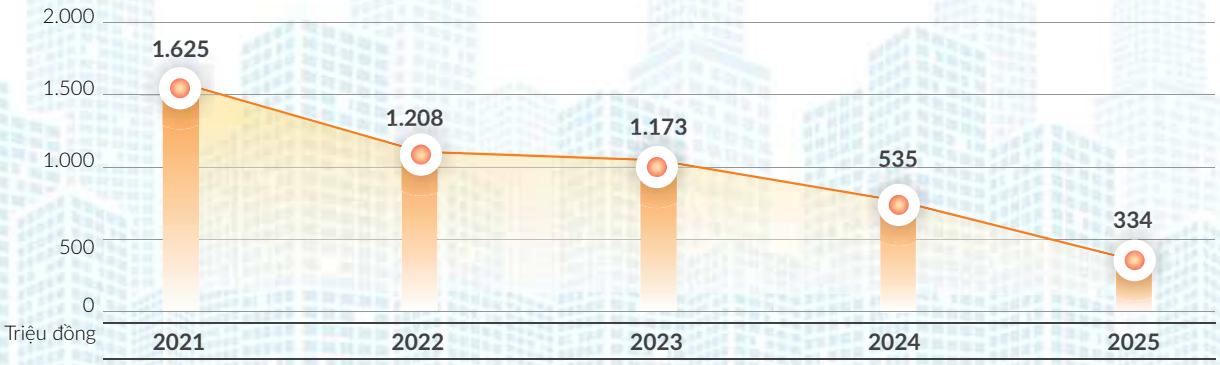

TỶ SUẤT LỢI NHUẬN/VỐN CHỦ SỞ HỮU (ROE)

(Đơn vị tính: %)

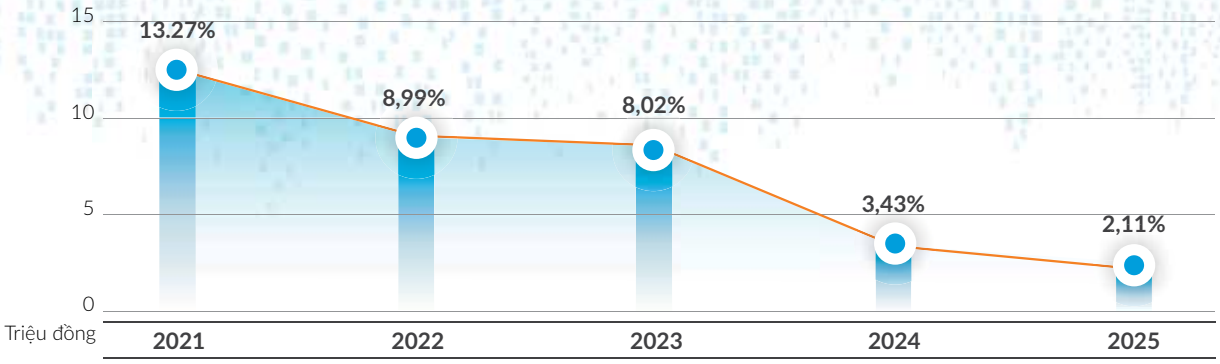

“Tổng công ty PLC quyết tâm ứng dụng số hóa toàn diện để nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu suất của toàn bộ chuỗi cung ứng.

Tập trung công nghệ tiên tiến để phát triển các sản phẩm hóa dầu thế hệ mới, chất lượng cao và gắn kết chặt chẽ với thương hiệu Petrolimex.

Khai thác tối đa mạng lưới của Tập đoàn Petrolimex để mở rộng thị phần và khẳng định vị thế vững chắc

CHƯƠNG I

GIỚI THIỆU VỀ TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT 14
2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH 15
3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH 18
4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 28
5. CÁC RỦI RO 29

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TỔNG QUAN CHUNG VỀ TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tiền thân là Công ty Dầu nhờn, được thành lập ngày 09/06/1994. Ngày 13/10/1998, Công ty Dầu nhờn được đổi tên thành Công ty Hóa dầu trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam. Ngày 23/12/2003, Công ty Dầu nhờn được cổ phần hóa. Ngày 01/03/2004 Công ty CP Hóa dầu Petrolimex chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ là 150 tỷ đồng, trong đó Petrolimex nắm giữ cổ phần chi phối với tỷ lệ 85%. Trải qua nhiều năm hoạt động sản xuất kinh doanh, hiện nay, vốn điều lệ của PLC đã đạt mức 808 tỷ đồng, trong đó Petrolimex sở hữu 79,07% vốn điều lệ.

Là doanh nghiệp nội địa đầu tiên tại Việt Nam kinh doanh chuyên ngành các sản phẩm hóa dầu bao gồm: dầu nhờn, nhựa đường, hóa chất. Hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con (gồm Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex và Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex), Tổng công ty PLC đã phát triển mạnh trên cả 3 ngành hàng chủ chốt, với các lĩnh vực chuyên sâu để trở thành những người tiên phong về công nghệ, hạ tầng cũng như nghiên cứu phát triển sản phẩm mới ra thị trường. Ngoài kinh doanh chính, việc tham gia liên doanh, liên kết của Tổng công ty vào các doanh nghiệp khác, đều thuộc ngành nghề phụ trợ, trong chuỗi cung ứng của Tổng công ty PLC. Định hướng phát triển của Tổng công ty PLC là tập trung củng cố vị thế của thị trường trong nước, phát triển quy mô ba ngành hàng ra tầm khu vực và quốc tế.

Tên giao dịch	TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX – CTCP
Tên viết tắt	PLC
Giấy CNĐKDN số	0101463614
Vốn điều lệ	807.988.390.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	807.988.390.000 đồng
Địa chỉ:	Tầng 18 & 19, Số 229 phố Tây Sơn, P. Kim Liên, Thành phố Hà Nội
Điện thoại:	(024) 38513205
Fax:	(024) 38513207

2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH & ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường, Hóa chất và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực sản phẩm dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên ngành Hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật Hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong cửa hàng chuyên doanh
- Chi tiết: Bán lẻ dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Các nước và khu vực như:

TRUNG QUỐC, HONGKONG, ĐÀI LOAN, LÀO, CAMPUCHIA...

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

1994

Tháng 06/1994
Thành lập Công ty Dầu nhờn trực thuộc Petrolimex

1998

Tháng 10/1998
Đổi tên thành Công ty Hóa dầu trực thuộc Petrolimex

2008

Tháng 3/2008
Góp vốn thành lập Công ty CP vận tải Hóa dầu VP

2010

Tháng 4/2010
Góp vốn thành lập Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG

2013

Tháng 04/2013
Đổi tên thành Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

2014

Tháng 1/2014
Giải thể và rút vốn khỏi Công ty TNHH Đầu tư thương mại PLG

Tháng 03/2004
Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần có vốn nhà nước chi phối

2004

2005

Tháng 12/2005
Thành lập
Công ty TNHH
Hóa chất Petrolimex
và Công ty TNHH
Nhựa đường Petrolimex

2006

Tháng 12/2006
Niêm yết cổ phiếu
PLC trên HNX

2007

Tháng 2/2007
Góp vốn thành lập
Công ty CP Xây dựng
công trình giao thông 810

2017

Tháng 12/2017
Thoái vốn khỏi
Công ty CP Xây dựng
công trình giao thông 810

2026

PETROLIMEX

3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG
- TỔNG CÔNG TY PLC (CÔNG TY MẸ)

NGÀNH HÀNG KINH DOANH
- DẦU NHỜN
- NHỰA ĐƯỜNG
- HÓA CHẤT

CÔNG TY KINH DOANH
- CTY MẸ TRỰC TIẾP KINH DOANH
- CTY TNHH NHỰA ĐƯỜNG PETROLINEX
- CTY TNHH HÓA CHẤT PETROLIMEX

LĨNH VỰC KINH DOANH PHỤ TRỢ
- VẬN TẢI BIỂN NHỰA ĐƯỜNG (CÔNG TY CP VẬN TẢI HÓA DẦU VP)

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

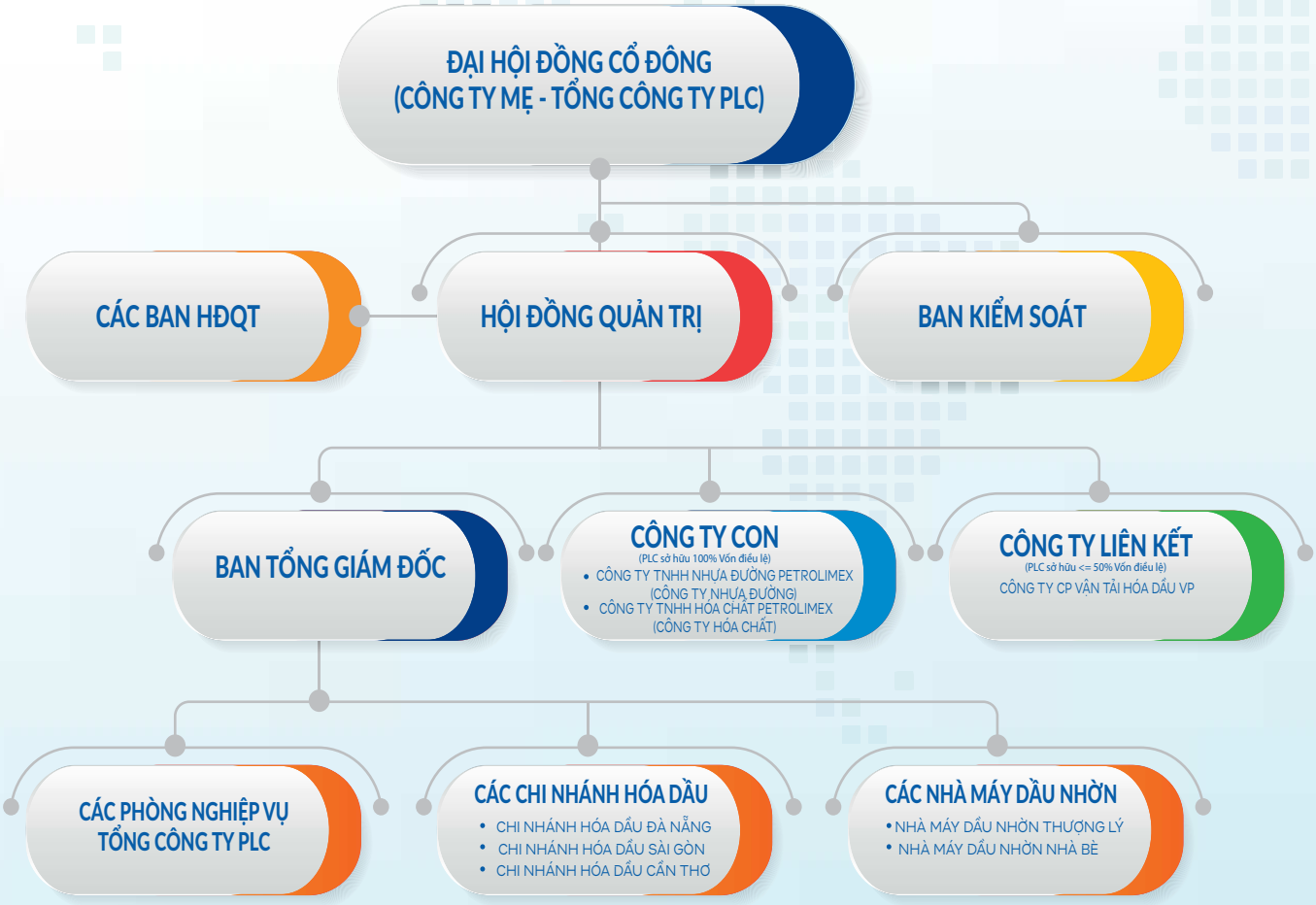

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

1

CÔNG TY TNHH NHỰA ĐƯỜNG PETROLIMEX

Địa chỉ: Tầng 19, Số 229 Phố Tây Sơn, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội.
Vốn điều lệ: 361,4 tỷ VNĐ.
Tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty PLC: 100% Vốn điều lệ;
Ngành, nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu Nhựa đường và các sản phẩm khác thuộc lĩnh vực Nhựa đường; Kinh doanh các dịch vụ có liên quan đến lĩnh vực Nhựa đường: vận tải thuê, cho thuê kho bãi, pha chế thuê, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật.

2

CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT PETROLIMEX

Địa chỉ: Tầng 19, Số 229 Phố Tây Sơn, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội.
Vốn điều lệ: 254,3 tỷ VNĐ;
Tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty PLC: 100% Vốn điều lệ;
Ngành, nghề kinh doanh chính: sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu dung môi, hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp và các sản phẩm khác thuộc lĩnh vực dung môi, hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp. Kinh doanh các dịch vụ có liên quan đến lĩnh vực dung môi, hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp: vận tải thuê, cho thuê kho bãi, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật.

3

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÓA DẦU VP

Địa chỉ: Phòng 5.09, tòa nhà Taiyo, 97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng, TP.Hải Phòng..
Vốn điều lệ: 150,76 tỷ VNĐ.
Tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty PLC: 43,78% Vốn điều lệ;
Ngành, nghề kinh doanh chính: Vận tải các sản phâm hóa dầu; mua bán tàu; đầu tư tài chính.

GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG ĐỖ HỮU TẠO

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Hóa dầu

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Nga

Vị trí công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT

Tổng công ty PLC (chuyên trách)

ÔNG LÊ QUANG TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư Hóa dầu, Cử nhân kinh tế,

Trình độ ngoại ngữ: Cử nhân Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty PLC.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐTV Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (đến ngày 18/02/2025)

GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG NGUYỄN THANH KHƯƠNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế lao động

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty PLC.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐTV Công ty Hóa chất

ÔNG NGUYỄN ĐỨC LONG

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1981

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Công nghệ Hóa học, Cử nhân Kinh tế đối ngoại

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty PLC.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex

GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG NGUYỄN HÀ TRUNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Quốc tế (EMBA)

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Chiến lược và Đầu tư HĐQT Tổng công ty PLC.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐTV Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex

ÔNG PHAN QUANG PHÚ

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Tổng công ty PLC, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Trưởng nhóm đại diện vốn của Tổng công ty PLC tại Công ty VP, Thành viên HĐQT Công ty VP

GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG NGUYỄN VĂN KHÁNH

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ hóa học

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh , Tiếng Nga

Vị trí công tác hiện nay: Thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty PLC

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Chủ tịch Công ty Cổ phần tư vấn năng lượng và thương mại Việt.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG LÊ QUANG TUẤN

Tổng giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư Hóa dầu, Cử nhân kinh tế,

Trình độ ngoại ngữ: Cử nhân Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty PLC.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐTV Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (đến ngày 18/02/2025)

ÔNG NGUYỄN THANH KHƯƠNG

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế lao động

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty PLC

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐTV Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex

BÀ TRẦN DIỄM HỒNG

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Kinh tế Lao động- KTQD

Trình độ ngoại ngữ: Cử nhân Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty PLC

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐTV Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG NGUYỄN ĐỨC LONG

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1981

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Công nghệ Hóa học, Cử nhân Kinh tế đối ngoại

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty PLC.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex

ÔNG CHU THANH TÙNG

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế tài chính ngân hàng

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty PLC

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐTV Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex

BÀ PHƯƠNG THẢO HIỀN

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Kế toán trưởng Tổng công ty PLC

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không có

GIỚI THIỆU VỀ BAN KIỂM SOÁT

ÔNG ĐOÀN HỒNG SÁNG

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty PLC

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không có

ÔNG PHẠM TUẤN PHƯƠNG

Kiểm soát viên

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân TCKT, Thạc sĩ QTKD

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Kiểm soát viên Tổng công ty PLC

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Kiểm soát viên Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex

BÀ ĐINH THỊ KIỀU TRANG

Kiểm soát viênNăm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ nghành Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm.

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Nga

Vị trí công tác hiện nay: Kiểm soát viên Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam; Kiểm soát viên Tổng công ty PLC

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (Tổng công ty PLC) được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Petrolimex. Là doanh nghiệp nội địa đầu tiên tại Việt Nam kinh doanh chuyên ngành các sản phẩm Hóa dầu bao gồm: dầu nhờn, nhựa đường, hóa chất. Lãnh đạo PLC đã đặt ra tầm nhìn chiến lược: Phát triển PLC trở thành doanh nghiệp hóa dầu hàng đầu tại Việt Nam, có năng lực cạnh tranh thực chất trong khu vực, vận hành theo chuẩn mực quản trị hiện đại, hiệu quả và bền vững.

Trong bối cảnh thị trường năng lượng và hóa dầu tiếp tục biến động phức tạp, cạnh tranh ngày càng gay gắt và yêu cầu quản trị doanh nghiệp ngày càng cao, Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex (PLC) bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu chuyển đổi mạnh mẽ về mô hình tăng trưởng. HĐQT xác định: giai đoạn 2026 và những năm tiếp theo là giai đoạn tái định vị PLC theo hướng phát triển dựa trên hiệu quả, năng lực quản trị và khả năng thích ứng.

Năm 2026 được xác định là năm bản lề trong tái cấu trúc toàn diện PLC, với các trọng tâm chỉ đạo sau:

- Ổn định hoạt động, kiểm soát rủi ro: Ưu tiên giữ ổn định thị trường trong nước ở cả 3 ngành hàng; Kiểm soát chặt chẽ tồn kho, công nợ, dòng tiền và rủi ro tỷ giá; Chủ động kịch bản ứng phó với biến động giá dầu, nguyên liệu và chính sách tiền tệ.

- Cơ cấu lại hoạt động kinh doanh theo hiệu quả: Rà soát toàn bộ danh mục sản phẩm, thị trường, khách hàng để loại bỏ các hoạt động hiệu quả thấp; Tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh rõ ràng; Điều chỉnh chiến lược kinh doanh hóa chất theo hướng thu hẹp, chọn lọc, kiểm soát rủi ro.

- Tái cấu trúc tài chính và nguồn lực: Kiểm soát hệ số nợ, giảm phụ thuộc vào vốn vay ngắn hạn; Cơ cấu lại tài sản, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; Triển khai lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tại PLC gắn với nâng cao tính tự chủ và minh bạch.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với quản trị: Tập trung xây dựng hệ thống quản trị dữ liệu tập trung toàn PLC; Triển khai các công cụ số hóa trong quản lý kinh doanh, tài chính, nhân sự và chuỗi cung ứng; Chuẩn hóa quy trình, tiến tới giảm phụ thuộc vào xử lý thủ công.

- Tái cấu trúc tổ chức và nâng cao chất lượng nhân sự: Sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo hướng hiệu lực, hiệu quả; Nâng cao năng lực đội ngũ quản lý và kinh doanh, đặc biệt trong phân tích thị trường và quản trị rủi ro; Thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

• Định hướng theo ngành hàng

- Đối với ngành hàng Dầu mỡ nhờn:

Giữ vững vị thế hàng đầu trong nước; Phát triển các dòng sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế; Mở rộng thị trường xuất khẩu có chọn lọc; Tận dụng tối đa hệ sinh thái Petrolimex để gia tăng thị phần.

- Đối với ngành hàng Nhựa đường:

Gắn chặt với nhu cầu đầu tư hạ tầng giao thông quốc gia; Nâng cao năng lực cung ứng và tối ưu hóa logistics; Tập trung hiệu quả thay vì mở rộng quy mô bằng mọi giá.

- Đối với ngành hàng Hóa chất:

Chuyển từ tăng trưởng dàn trải sang mô hình kinh doanh chọn lọc; Quản trị tài chính, kiểm soát chặt chẽ rủi ro; Xem xét tái cấu trúc toàn diện (bao gồm tổ chức, mô hình và vốn) để nâng cao hiệu quả.

• Nâng cao năng lực cạnh tranh cốt lõi:

Đầu tư có trọng điểm vào công nghệ, hạ tầng và nghiên cứu, phát triển; Xây dựng hệ thống phân phối linh hoạt, đa kênh; Phát triển thương hiệu Petrolimex gắn với chất lượng và uy tín.

• Hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp:

Áp dụng chuẩn mực quản trị hiện đại, minh bạch; Tăng cường quản trị rủi ro ở cấp Tổng công ty và đơn vị thành viên; Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị dữ liệu hiệu quả.

• Phát triển nguồn nhân lực và văn hóa doanh nghiệp:

Xây dựng đội ngũ nhân sự có năng lực chuyên sâu và tư duy thị trường; Đẩy mạnh đào tạo, đặc biệt trong quản trị, công nghệ và chuyển đổi số; Phát triển văn hóa doanh nghiệp gắn với giá trị cốt lõi của Petrolimex: Di sản - Tận Tâm - Tiên phong.

• Phát triển bền vững:

Tuân thủ nghiêm các quy định về môi trường, an toàn và phòng cháy chữa cháy; Gắn hoạt động kinh doanh với trách nhiệm xã hội; Từng bước tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị, nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và hướng tới phát triển bền vững.

5. CÁC RỦI RO

Nhãn hiệu hàng hóa Petrolimex của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex (PLC) là thương hiệu mạnh quốc gia, có uy tín và được người tiêu dùng bình chọn trên thị trường Việt Nam. PLC hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hóa dầu, chịu tác động từ nhiều yếu tố thị trường và môi trường kinh doanh. PLC luôn xác định đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ để giữ thị phần và khẳng định vị thế của Petrolimex trên thị trường. Trong quá trình hoạt động, PLC nhận diện một số rủi ro trọng yếu có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và việc thực hiện các mục tiêu của Tổng công ty như sau:

(i) Rủi ro thị trường và cạnh tranh: Thị trường tiêu thụ của PLC hiện chủ yếu là thị trường nội địa, phụ thuộc lớn vào tình hình tăng trưởng kinh tế và chính sách điều hành vĩ mô của Nhà nước. Đồng thời, mức độ cạnh tranh trong cả ba ngành hàng ngày càng gia tăng với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước có tiềm lực mạnh, gây áp lực lớn trong việc duy trì thị phần và hiệu quả kinh doanh.

(ii) Rủi ro biến động giá nguyên liệu và chính sách tiền tệ: Là một doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hóa dầu, nguồn nguyên liệu đầu vào phụ thuộc vào nhập khẩu, trong khi xuất khẩu chiếm tỷ trọng chưa cao trong cơ cấu bán hàng của PLC. Do vậy, kết quả kinh doanh phụ thuộc rất nhiều nguồn cung và giá dầu mỏ trên thế giới và chính sách điều hành tỷ giá, lãi suất ... của Nhà nước, đặc biệt là sự biến động không ổn định từ thị trường trong một số giai đoạn và thời điểm khó lường định như xung đột ở Trung Đông hiện nay.

(iii) Rủi ro tài chính và cơ cấu nguồn vốn: Cơ cấu nguồn vốn của PLC còn phụ thuộc đáng kể vào vốn vay ngắn hạn từ các tổ chức tín dụng, trong khi nhu cầu vốn lưu động lớn. Biến động về chính sách tín dụng, lãi suất hoặc khả năng tiếp cận vốn có thể ảnh hưởng đến dòng tiền và hiệu quả hoạt động, đặc biệt đối với các ngành hàng có chu kỳ vốn dài như Nhựa đường và Hóa chất.

(iv) Rủi ro hoạt động kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của PLC chịu áp lực về giá bán, tồn kho và biến động cung - cầu thị trường. Ngoài ra, rủi ro về hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng và thay đổi cơ chế chính sách trong từng lĩnh vực cũng có thể ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu và kết quả kinh doanh.

(v) Rủi ro môi trường, thiên tai và các yếu tố bất khả kháng: Các yếu tố như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, xung đột địa chính trị và các sự kiện bất khả kháng khác có thể làm gián đoạn hoạt động sản xuất, cung ứng và phân phối, qua đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

(vi) Rủi ro về quản trị và chuyển đổi số: Quá trình chuyển đổi số và đổi mới mô hình quản trị tại PLC đang trong giai đoạn triển khai, tiềm ẩn rủi ro trong việc lựa chọn giải pháp công nghệ phù hợp, hiệu quả đầu tư và khả năng thích ứng của hệ thống. Nếu không được triển khai đồng bộ, có thể ảnh hưởng đến hiệu quả quản trị và năng lực cạnh tranh của Tổng công ty.

CHƯƠNG II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 32
2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ 34
3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 36
4. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG CON, CÔNG TY LIÊN KẾT 38
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG 40

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2025, tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường, nhiều khó khăn thách thức lớn, đặc biệt là cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, căng thẳng thương mại, xung đột quân sự, bất ổn chính trị tại một số quốc gia, khu vực tiếp tục lan rộng, kéo dài; thị trường tài chính, tiền tệ biến động, ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu; thiên tai, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng. Theo OECD, tăng trưởng chung năm 2025 của kinh tế thế giới đạt khoảng 3,2% GDP thấp hơn năm 2024.

Trong nước, cả hệ thống chính trị đã tập trung triển khai thực hiện sắp xếp lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật liên quan, quy định phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; triển khai các Nghị quyết lớn của Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, hội nhập quốc tế, đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, phát triển kinh tế tư nhân. Nhiều hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm khơi dậy niềm tự hào dân tộc, tạo động lực lớn cho nhân dân cả nước tiếp tục phấn đấu, vươn lên thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội... Mặc dù, trong năm 2025, ảnh hưởng lớn của thiên tai, lũ lụt đối với các tỉnh miền Bắc và các tỉnh miền Trung; nhưng nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt, sáng tạo, kịp thời, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm của Chính phủ, các bộ, ngành và nhân dân cả nước cùng chung tay hỗ trợ, đã phần nào giảm bớt các thiệt hại do thiên tai gây ra; Kinh tế - xã hội năm 2025 của nước ta đạt được kết quả tích cực (tăng trưởng GDP năm 2025 ước tăng 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 9,44% của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025; CPI tăng 3,31% so với năm trước; kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 475,04 tỷ USD, tăng 17,0% so với năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 107,95 tỷ USD, giảm 6,1% so với năm trước; kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 455,01 tỷ USD, tăng 19,4% so với năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 137,38 tỷ USD, giảm 2,0%).

Tập thể lãnh đạo cùng với CB-NLĐ toàn Tổng công ty PLC đã cùng nhau phân tích, đánh giá tình hình, cùng với đó là sự linh hoạt trong công tác điều hành, đề ra nhiều giải pháp, với mục tiêu là hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu SXKD. Tuy nhiên khó khăn tại ngành hàng Hóa chất dẫn đến kết quả hoạt động SXKD hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty PLC cơ bản hoàn thành kế hoạch ở một số chỉ tiêu đề ra.

Tổng công ty PLC chấp hành đầy đủ, kịp thời Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT, các quy định của Nhà nước và chỉ đạo của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam; tổ chức thành công Hội nghị Tổng kết toàn Tổng công ty PLC; đã rà soát, bổ sung, sửa đổi và ban hành nhiều văn bản quản lý nội bộ, trong hoạt động quản lý, điều hành, như: Sửa đổi Điều lệ Tổng công ty

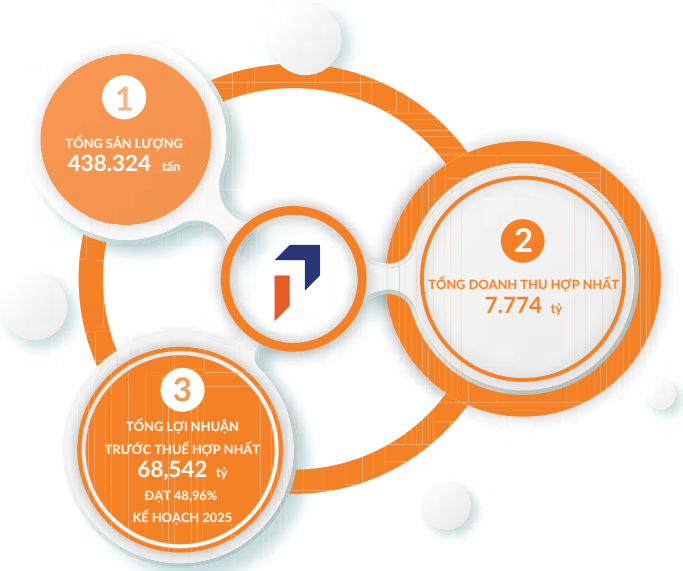

PLC, Điều lệ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex, Quy chế lựa chọn nhà thầu của Tổng công ty PLC, Phân công nhiệm vụ của TV HĐQT PLC; đang tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý công tác Tổ chức- Cán bộ của TCT PLC, Quy chế tiền lương, tiền thưởng và các chế độ khác của TCT PLC, Quy chế đánh giá xếp loại hoạt động hiệu quả doanh nghiệp, Quy chế giám sát tài chính, Quy chế Quản lý và hoạt động của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty PLC đầu tư vào doanh nghiệp khác, ... để phù hợp hơn với tình hình thực tế.

1.1. NGÀNH HÀNG DẦU MỠ NHỜN

- Thương hiệu DMN Petrolimex tiếp tục được khẳng định về chất lượng, nhãn hiệu ngày càng được khách hàng nhận diện lựa chọn. Các sản phẩm DMN Petrolimex đa dạng, phong phú có khả năng thay thế hầu hết các sản phẩm DMN của các hãng nước ngoài như CastrolBP, Shell, Total, Caltex,...

- Năm 2025, ngành hàng DMN của PLC có những thuận lợi và khó khăn đan xen; tuy nhiên, bằng sự nỗ lực, cố gắng, lĩnh vực sản xuất kinh doanh Dầu mỡ nhờn đã tiếp tục là ngành hàng đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất trong PLC, hoàn thành kế hoạch lợi nhuận được giao.

- Tổng sản lượng dầu mỡ nhờn đạt 31.849 tấn, bằng 109,41% cùng kỳ 2024, đạt 101,30% Kế hoạch 2025;

- Tổng Doanh thu dầu mỡ nhờn đạt 1.975 tỷ đồng, bằng 107,2% cùng kỳ, đạt 99,3% Kế hoạch 2025;

- Lợi nhuận trước thuế (chưa bao gồm trích lập dự phòng Công ty Hóa chất): là 100,29 tỷ đồng, bằng 93,96% cùng kỳ 2024, đạt 91,17 % KH 2025.

1.2. NGÀNH HÀNG NHỰA ĐƯỜNG

Bên cạnh những thuận lợi như: hệ thống Nhà máy, Chi nhánh trải đều khắp Việt Nam; đội xe chuyên chở, phun tưới được đầu tư chuyên nghiệp cũng như công tác dịch vụ, kỹ thuật sản phẩm hỗ trợ khách hàng tại chân công trình, thương hiệu Nhựa đường Petrolimex - Nhà cung cấp nhựa đường hàng đầu Việt Nam đã được khẳng định đối với các Chủ đầu tư, nhà thầu và các đối tác, được khách hàng sử dụng rộng rãi để thi công các công trình giao thông, đặc biệt các dự án cao tốc, dự án trọng điểm. Tình hình kinh tế - xã hội năm 2025 của Việt Nam duy trì xu hướng tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo... Một số dự án lớn, dự án cao tốc đã và đang triển khai tạo điều kiện thuận lợi để Công ty tiếp cận và thực hiện công tác bán hàng.

Trong năm 2025, Công ty Nhựa đường gặp khó khăn khi chịu ảnh hưởng của xung đột Nga – Ucraina, bất ổn địa chính trị gia tăng, lạm phát giảm chậm buộc hầu hết các nước trên thế giới vẫn tiếp tục thực hiện thắt chặt tiền tệ. Nhu cầu thế giới suy yếu bởi ảnh hưởng của lạm phát khiến các nền kinh tế thế giới liên tục tăng lãi suất, thắt chặt chính sách tiền tệ dẫn tới nhu cầu tiêu dùng cá nhân và mở rộng đầu tư trên thế giới cũng suy giảm theo, Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung 2.0 tiếp tục tác động xấu tới hoạt động nhập khẩu, biến động lãi suất và tỷ giá, ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nguồn hàng Trung Đông nhập khẩu về Việt Nam chiếm khoảng 15% tổng sản lượng nhập khẩu về Việt Nam với giá rẻ gây lũng đoạn thị trường và cạnh tranh trực tiếp với giá bán các mặt hàng của Công ty. Cạnh tranh trong nước ngày càng khốc liệt, các đối thủ cạnh tranh gia tăng sức chứa bồn bể tại thị trường phía Bắc và phía Nam. Một số Khách hàng lớn đã đứng ra xây kho và chủ động nhập hàng (ở phía Bắc có Công ty Bitumen VN và ở phía Nam có Công ty BMT, Minh Đức). Đồng thời năm 2025 xuất hiện thêm một số đối thủ cạnh tranh mới trên thị trường như Dầu khí Minh Đức, Biển Việt... khiến cạnh tranh trên thị trường kinh doanh nhựa đường ngày càng khốc liệt. Năm 2025 ghi nhận tần suất và cường độ thiên tai, mưa lớn, lũ quét, ngập úng gia tăng rõ rệt, đặc biệt tại các khu vực miền Trung, Tây Nguyên và một phần miền Bắc. Diễn biến này tác động trực tiếp và đa chiều đến ngành hàng nhựa đường – một ngành vốn phụ thuộc chặt chẽ vào thời tiết, tiến độ thi công và dòng vốn đầu tư công.

Tổng sản lượng tiêu thụ năm 2025 đạt 275.243 tấn bằng 108% kế hoạch năm 2025 và bằng 119,6% so với thực hiện năm 2024.

Tổng doanh thu bán hàng trong năm 2025 đạt 3.945 tỷ đồng bằng 114% kế hoạch năm 2025 và bằng 125% so với thực hiện năm 2024.

Lợi nhuận trước thuế năm 2025 Công ty đạt 74 tỷ đồng bằng 172% so với kế hoạch năm 2025 và bằng 703% so với thực hiện năm 2024.

1.3. NGÀNH HÀNG HÓA CHẤT

Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex tiếp tục là một trong những nhà cung cấp các sản phẩm dung môi, hoá chất lớn trên thị trường Việt Nam, Công ty có hệ thống cơ sở vật chất kho bể đồng bộ, thuận lợi cho công tác tạo nguồn và tổ chức phân phối. Thương hiệu HÓA CHẤT PETROLIMEX đã tạo dựng được uy tín đối với khách hàng và nhà cung cấp trong nhiều năm qua.

Tuy nhiên, đặc thù của thị trường hóa chất là biến động giá mạnh và cạnh tranh gay gắt nên các đối thủ trên thị trường đều hướng tới xây dựng mô hình tổ chức kinh doanh linh hoạt, đáp ứng nhu cầu thị trường một cách nhanh nhất. Các đối thủ cạnh tranh đều không phải là doanh nghiệp có vốn nhà nước nên dễ dàng áp dụng và thay đổi các chính sách nhất là chính sách về giá.

Giá cả các mặt hàng dung môi, hoá chất biến động mạnh, nhanh nhạy so với biến động giá của dầu thô trên thị trường khu vực và thế giới, thông thường cùng xu hướng nhưng có thời điểm lại trái chiều với giá dầu thô... dẫn đến rất khó lường và khó dự báo xu thế biến động giá trên thị trường trong và ngoài nước... Với những công ty có hệ thống kho bể tồn kho hàng hóa lớn sẽ tiềm ẩn rủi ro cao về giá hàng tồn kho...

- Sản lượng bán hàng năm 2025 đạt 131.232 tấn, bằng 105% so kế hoạch năm và bằng 115% so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh số bán hàng năm 2025 đạt 1.907 tỷ đồng, bằng 87% so với kế hoạch năm và bằng 96% so với cùng kỳ năm trước. Giá bán bình quân giảm là nguyên nhân khiến doanh số bán hàng năm 2025 thấp hơn cùng kỳ năm 2024 trong khi sản lượng tăng 5% so với cùng kỳ.

- Giá vốn hàng bán của Công ty trong kỳ là 1.864 tỷ đồng bằng 91% so với kế hoạch năm 2025, và bằng 99% so với cùng kỳ năm 2024.

- Chi phí hoạt động SXKD: Tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý toàn Công ty năm 2025 là 118 tỷ đồng tương đương 107% so với kế hoạch năm và bằng 125% so với thực hiện năm 2024.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 của Công ty âm (104) tỷ đồng.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH (SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NẮM GIỮ CHỐT TẠI NGÀY 24/2/2026)

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Hành vi vi phạm pháp luật	Quyền lợi mâu thuẫn với PLC	Lợi ích liên quan đối với PLC
1	Ông **Lê Quang Tuấn**	Tổng giám đốc	**6.782**	0,0084%	0	Không	Không	Không
2	Ông **Nguyễn Thanh Khương**	Phó Tổng giám đốc	**0**	0%	0	Không	Không	Không
3	Bà **Trần Diễm Hồng**	Phó Tổng giám đốc	**440**	0,0005%	0	Không	Không	Không
4	Ông **Nguyễn Đức Long**	Phó Tổng giám đốc	**552**	0,0006%	0	Không	Không	Không
5	Ông **Chu Thanh Tùng**	Phó Tổng giám đốc	**0**	0%	0	Không	Không	Không
6	Bà **Phương Thảo Hiền**	Kế toán trưởng	**18.820**	0,0233%	0	Không	Không	Không

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

TỔNG QUAN LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

Số lượng lao động có mặt đến ngày 31/12/2025 là 758 người.

Tổng công ty PLC chủ trương sử dụng lao động tiết kiệm, hiệu quả; phát triển nguồn nhân lực có tính kế thừa và đảm bảo cơ cấu lao động hợp lý, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

TỔNG SỐ CB-NLĐ:
758 người

CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO NGÀNH HÀNG

Công ty mẹ (Gồm HĐQT và các Ban): **338 người**
Công ty Nhựa đường: **309 người**
Công ty Hóa chất: **111 người**

CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO TRÌNH ĐỘ

Trên đại học: **74 người**
Đại học, Cao đẳng: **374 người**
Cao đẳng trở xuống: **310 người**

CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO GIỚI TÍNH

Nam: **561 người**
Nữ: **197 người**

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

- Tiền lương bình quân của người lao động năm 2025 đạt 22,6 triệu đồng/người/tháng.

- Mục tiêu trả lương ổn định đời sống và khuyến khích người lao động làm việc hiệu quả. Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, an toàn vệ sinh lao động và các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Pháp luật và Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty.

- Tổng công ty là đơn vị vừa có sản xuất, vừa kinh doanh sản phẩm có đặc tính chuyên môn kỹ thuật cao, yêu cầu về trình độ chuyên môn cũng như các kỹ năng, kỹ thuật chuyên ngành sâu. Do vậy, ngoài những yêu cầu ban đầu về trình độ đối với người lao động, việc đào tạo, tập huấn chuyên môn hàng năm rất được Tổng công ty chú trọng thực hiện. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức nhiều khóa huấn luyện về sản phẩm, nguyên vật liệu cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và đại diện bán hàng.

- Với ý thức của một doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm liên quan đến cháy nổ, các quy trình, quy phạm về an toàn và sản xuất rất được chú trọng trong phổ biến và giám sát thực hiện hàng ngày. Khi các dự án đầu tư, dây chuyền sản xuất mới được trình duyệt cũng là lúc các quy trình an toàn được thiết lập và được hướng dẫn, tập huấn thực hành cho người lao động.

- Việc Tổng công ty đảm bảo an toàn tuyệt đối, không xảy ra tai nạn lao động trong năm 2025 chính là thành quả ghi nhận trách nhiệm của Tổng công ty đối với người lao động và tài sản của cổ đông.

- Điều kiện làm việc ở Tổng công ty PLC luôn được đảm bảo, tạo động lực cho người lao động làm việc nhiệt huyết, ổn định, gắn bó lâu dài với Tổng công ty.

- Năm 2025, Tổng công ty đã mua bảo hiểm thân thể cho 100% cán bộ, người lao động của Tổng công ty PLC.

TIỀN LƯƠNG NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2025 ĐẠT 22,6 TRIỆU ĐỒNG/NGƯỜI/THÁNG.

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu (đơn vị tính triệu đồng)	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025	So sánh 2025/ 2024
Doanh thu thuần	tr.đ	6.931.744	7.774.048	112,15%
Giá vốn hàng bán	tr.đ	6.109.064	6.772.162	110,85%
Lợi nhuận gộp	tr.đ	822.680	1.001.886	121,78%
Chi phí bán hàng	tr.đ	571.820	676.205	118,25%
Chi phí quản lý	tr.đ	110.676	204.217	184,52%
Lợi nhuận khác	tr.đ	5.116	1.703	33,28%
Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	70.395	68.542	97,37%
Thuế TNDN	tr.đ	27.174	41.557	152,93%
Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	43.221	26.985	62,43%
Tài sản ngắn hạn	tr.đ	3.238.681	3.120.313	96,35%
Tài sản dài hạn	tr.đ	841.274	815.231	96,90%
Tổng tài sản	tr.đ	4.079.955	3.935.544	96,46%
Tổng vay ngắn hạn và dài hạn	tr.đ	1.718.987	2.028.173	117,99%
Vốn chủ sở hữu	tr.đ	1.249.651	1.236.192	98,92%
Tỷ suất lợi nhuận gộp		11,87%	12,89%	108,59%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế		1,02%	0,88%	86,82%
Nợ vay trên tổng tài sản		42,13%	51,53%	122,32%
Nợ vay trên vốn chủ sở hữu		137,56%	164,07%	119,27%
LNST trên vốn chủ sở hữu (ROE)		2,16%		0,00%
LNST trên Tổng tài sản (ROA)		1,06%	0,69%	64,73%
EPS		535	334	62,44%

TÌNH HÌNH TÀI SẢN HỢP NHẤT TẠI 31/12/2025

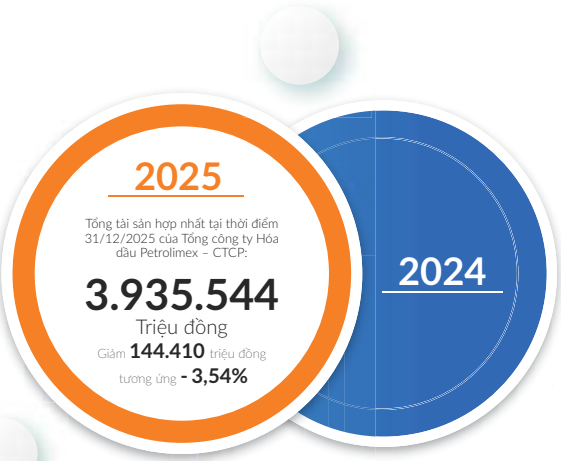

Tổng tài sản toàn hợp nhất tại thời điểm 31/12/2025 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP là 3.935.544 triệu đồng, giảm 144.410 triệu đồng và tương ứng giảm 3,54% so với cuối kỳ năm 2024. Trong đó:

+ Tài sản dài hạn tại ngày 31/12/2025 là 815.231 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 20,71% và giảm 26.043 triệu đồng, tương ứng giảm 3,1% so với năm 2024. Trong tổng tài sản dài hạn, tài sản cố định chiếm tỷ lệ chủ yếu là 74,28%, tài sản dài hạn khác chiếm 22,07%, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và đầu tư tài chính dài hạn chiếm 3,65%. Tài sản dài hạn giảm 26 tỷ so với đầu kỳ chủ yếu do tài sản cố định giảm 36.063 triệu đồng.

+ Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2025 là 3.120.313 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 79,29% và giảm 118.368 triệu đồng, tương ứng giảm 3,65% so với năm 2024. Trong tổng tài sản ngắn hạn, các khoản phải thu chiếm tỷ trọng là 30,69%, hàng tồn kho chiếm 31,73%, đầu tư tài chính chiếm 20,03%, tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 15,85%. Cơ cấu tài sản ngắn hạn biến động giảm chủ yếu ở khoản mục hàng tồn kho giảm 64.255 triệu đồng, các khoản phải thu giảm 248.387 triệu đồng.

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN HỢP NHẤT TẠI 31/12/2025

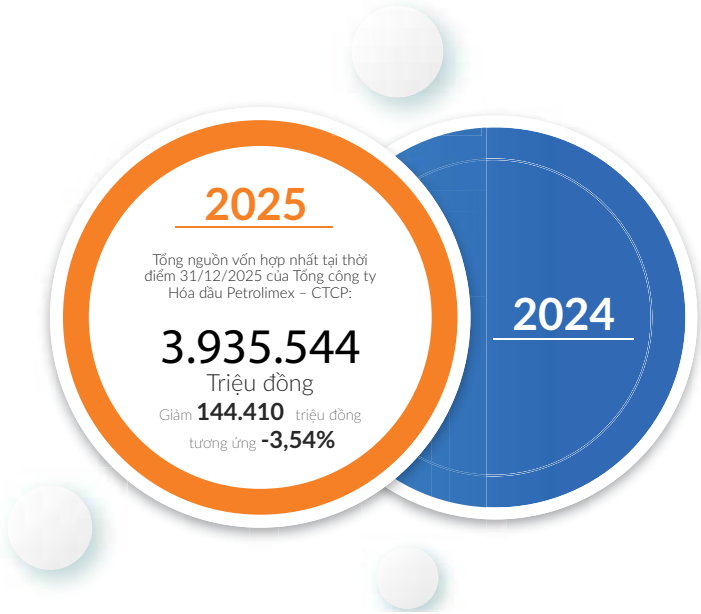

Tổng nguồn vốn hợp nhất tại thời điểm 31/12/2025 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP là 3.935.544 triệu đồng, giảm 144.410 triệu đồng và tương ứng giảm 3,54% so với cuối kỳ năm 2024. Trong đó:

+ Nợ phải trả tại ngày 31/12/2025 là 2.699.353 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 68,59% và giảm 130.951 triệu đồng, tương ứng giảm 4,63% so với năm 2024. Trong đó nợ phải trả ngắn hạn là 2.660.855 triệu đồng, giảm 130.951 triệu đồng chủ yếu là Nợ phải trả nhà cung cấp và Nợ vay các TCTD giảm; Nợ phải trả dài hạn là 38.498 triệu đồng, tăng 20.672 triệu đồng. Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu của tại ngày 31/12/2025 là 2,18 lần, giảm so với năm 2024 (2,26 lần).

+ Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2025 là 1.236.192 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 31,41% và giảm 13.459 triệu đồng, tương ứng giảm 1,08% so với năm 2024. Vốn chủ sở hữu giảm chủ yếu ở khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm trong khi nguồn vốn chủ sở hữu và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu không thay đổi.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH:

STT	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH	Năm 2024	Năm 2025
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**		
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,15	1,17
-	Hệ số thanh toán tức thời (lần)	0,11	0,19
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**		
-	Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần)	0,69	0,69
-	Hệ số nợ/ Vốn Chủ sở hữu (lần)	2,26	2,18
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**		
-	Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	5,03	6,62
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	1,67	1,94
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**		
-	Tỷ suất LNST/ Doanh thu thuần	0,62%	0,35%
-	Tỷ suất LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	2,16%	
-	Tỷ suất LNST/ Tổng tài sản (ROA)	1,06%	0,69%

Khả năng thanh toán:

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2025 là 1,17 lần, tăng so với năm 2024 và luôn giữ ở mức lớn hơn 1. Theo đó, các khoản nợ đến hạn đều được đảm bảo bằng các tài sản có tính thanh khoản tốt. Đây là một chỉ số quan trọng trong bối cảnh thực tế Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex phụ thuộc rất lớn vào nguồn vốn vay ngắn hạn.

Hệ số thanh toán tức thời (tiền và các khoản tương đương tiền trên nợ ngắn hạn):

Năm 2025 là 0,19 lần, tăng so với năm 2024 là 0,11 lần. Tỷ lệ này cho thấy việc sử dụng vốn hiệu quả, không bị tồn đọng và đủ khả năng thanh toán tức thì các khoản nợ đến hạn khi cần thiết.

Hiệu quả hoạt động:

Vòng quay hàng tồn kho là 6,62 năm 2025, tăng so với năm 2024 là 5,03. Doanh thu thuần/tổng tài sản năm 2025 là 1,94 lần, thấp hơn năm 2024 là 1,67 lần.

Khả năng sinh lời:

Khả năng sinh lời từ một đồng vốn chủ sở hữu của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex năm 2025 giảm so với năm 2024..

4. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY NHỰA ĐƯỜNG

TỔNG QUAN:

- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex chính thức được thành lập tháng 12/2005 với cơ sở vật chất cũng như mọi nguồn lực vẫn còn khiêm tốn, phải đối mặt với một thị trường hết sức khó khăn, sự cạnh tranh khốc liệt của các tập đoàn dầu khí lớn không chỉ tại Việt Nam mà còn trên thế giới như tập đoàn Shell, Chevrol, Exxon Mobil, Tipco...

- Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, đến nay tổ chức bộ máy Công ty có 07 Chi nhánh và 07 Nhà máy Nhựa đường trải dài trên cả nước, đem lại lợi thế cho Công ty trong việc cung cấp sản phẩm cho các dự án với cự ly vận chuyển hợp lý. Đồng thời với dàn xe chở nhựa đường, xe phun tưới nhũ tương được đầu tư chuyên nghiệp đã khẳng định vị trí nhà cung cấp nhựa đường của Công ty đối với các dự án lớn, trọng điểm.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025:

Tổng sản lượng tiêu thụ năm 2025:

bằng **108%** kế hoạch

và bằng **119,6%** so với thực hiện năm 2024.

Doanh thu bán hàng trong năm 2025:

3.945 TỶ ĐỒNG

Đạt **114%** kế hoạch và bằng **125%** so với năm 2024.

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2025:

74 TỶ ĐỒNG

Đạt **172%** kế hoạch và bằng **703%** so với năm 2024.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026:

Trước những dự báo tình hình nền kinh tế thế giới và Việt Nam trong năm 2026, để triển khai kế hoạch năm 2026 HĐQT Tổng Công ty giao, Công ty đưa ra một số phương hướng thực hiện như sau:

- Bám sát diễn biễn thị trường thế giới, đảm bảo cung hàng trong nước.

- Phối hợp với các Công ty xăng dầu hoàn thành phương án đảm bảo hàng hải, ổn định hoạt động tại các điểm kho Thượng Lý, Thọ Quang, Trà Nóc.

- Làm việc với các tổ chức tín dụng đảm bảo hạn mức thông suốt phục vụ công tác nhập hàng.

- Tiếp tục thực hiện kiên định công tác quản lý xuất xứ nguồn hàng tại các Nhà máy.

- Tăng cường nâng cao chất lượng công tác vận tải, giao hàng.

- Tập trung triển khai kế hoạch đầu tư PTVT bổ sung cho các Nhà máy theo kế hoạch được duyệt và tăng cường kết nối với Nhà thầu vận tải nhằm đảm bảo năng lực vận tải tốt nhất.

- Thực hiện hoàn tất giải thể hoạt động Chi nhánh Cam dự kiến trong quý 2 năm 2026.

- Tiếp tục bám sát và làm việc với các Khách hàng tại Cam nhằm đẩy mạnh sản lượng bán hàng và an toàn tài chính.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Chi nhánh Lào và đẩy mạnh công tác bán hàng và tăng cường kiểm soát công nợ và tỷ giá KIP/ USD.

- Đẩy mạnh việc chuyển đổi nhiên liệu tại Nhà máy Thọ Quang và Cam Ranh. Đồng thời hoàn thiện, bảo dưỡng cơ sở vật chất kỹ thuật tại các Nhà máy Nhựa đường đặc biệt tại Thượng Lý, Nhà Bè và Trà Nóc.

- Tiếp tục bám sát thị trường, khách hàng, dự án để gia tăng sản lượng và lợi nhuận; điều hành hàng tồn kho đảm bảo, gia tăng hiệu quả tồn chứa.

- Tích cực thu hồi công nợ nhằm tăng nguồn vốn lưu động, giảm thiểu công nợ phải trích lập dự phòng, hoàn nhập dự phòng.

- Tiếp tục quản lý, điều hành vốn kinh doanh linh hoạt, hiệu quả; cập nhật biến động tỷ giá, lãi suất để tiết giảm chi phí lãi vay, CLTG gia tăng hiệu quả hoạt động tài chính.

- Quản lý, tiết giảm chi phí kinh doanh để gia tăng hiệu quả kinh doanh.

- Tập trung nghiên cứu cải tiến chất lượng các dòng sản phẩm bên cạnh việc tiếp tục quản lý, kiểm soát chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu từ thị trường, khách hàng, dự án một cách tốt nhất.

CÔNG TY HOÁ CHẤT

TỔNG QUAN:

- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex chính thức được thành lập tháng 12/2005 với cơ sở vật chất cũng như mọi nguồn lực vẫn còn khiêm tốn, phải đối mặt với một thị trường hết sức khó khăn, sự cạnh tranh khốc liệt của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp tư nhân.

- Trải qua quá trình hình thành, xây dựng và phát triển, đến nay, Công ty đã vươn lên trở thành doanh nghiệp hàng đầu trên thị trường dung môi, hoá chất tại Việt Nam với thương hiệu HOÁ CHẤT PETROLIMEX.

- Công ty hiện có 01 Chi nhánh và 03 Kho Hoá chất đặt tại 2 thị trường lớn là phía Bắc (Kho Hoá chất Đình Vũ, Kho Hoá chất Thượng Lý) và phía Nam (Kho Hoá chất Nhà Bè) với sức chứa lớn, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty được đánh giá là đồng bộ và hiện đại, tuy nhiên, trước sự cạnh tranh quyết liệt từ các đối thủ thì Công ty cần tiếp tục đầu tư mở rộng, nâng cấp hệ thống CSVCKT để tăng thêm sức cạnh tranh, củng cố vững chắc vị thế trên thị trường.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025

Tổng sản lượng tiêu thụ toàn công ty năm 2025:

bằng **105%** so với kế hoạch

và bằng **115%** so với thực hiện năm 2024.

Tổng doanh thu hàng hóa và dịch vụ năm 2025:

1,907 TỶ ĐỒNG

Bằng **87%** kế hoạch và bằng **96%** so với cùng kỳ năm 2024

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2025:

LỖ 104 TỶ ĐỒNG

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026:

- Tiếp tục củng cố, tăng cường mối quan hệ với các Nhà cung cấp nước ngoài truyền thống, đồng thời tìm kiếm các Nhà cung cấp nước ngoài khác nhằm đảm bảo nguồn hàng và tạo lợi thế cạnh tranh, đảm bảo nguồn cung hàng liên tục và hạn chế tối đa tình trạng bị gián đoạn nguồn cung hàng.

- Bên cạnh đó, công tác nghiên cứu thị trường cũng cần chú ý và quan tâm đúng mức để phân tích, đánh giá được tình hình thị trường cũng như xu hướng giá hàng để có những quyết định kịp thời nhằm mua được những lô hàng với giá thành hợp lý và quyết định chính sách bán hàng phù hợp trong những thời điểm quan trọng.

CÁC GIẢI PHÁP LỚN CỦA CÔNG TY:

Báo cáo, đề xuất Tổng công ty PLC tiếp tục hỗ trợ Công ty trong công tác tạo nguồn hàng kinh doanh để tiếp tục có nguồn hàng để kinh doanh.

- Báo cáo đề xuất Tổng Công ty PLC xem xét, hỗ trợ, bổ sung nguồn vốn cho Công ty Hóa chất để cải thiện tình trạng mất cân đối vốn, đảm bảo duy trì hoạt động trong năm 2026.
- Kiến nghị HĐQT TCT PLC bổ sung nguồn lực, cơ chế, chính sách,... để Công ty Hóa chất tham gia nhập khẩu, cung ứng Ethanol cho thị trường nội địa theo định hướng của Chính phủ về chuyển đổi từ sử dụng xăng khoáng sang xăng sinh học từ 01/06/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

TỔNG QUAN:

Công ty CP Vận tải Hóa dầu VP (Công ty VP) thành lập 16/03/2008 với số vốn góp ban đầu là 50 tỷ đồng; đến nay, vốn điều lệ của Công ty là 150,761 tỷ đồng. Hiện nay, Công ty có đội tàu chở nhựa đường gồm 02 tàu VP Asphalt 1, VP Asphalt 2 có tải trọng khoảng 2.300 tấn với chất lượng, tình trạng kỹ thuật và công tác vận hành, khai thác hai tàu tốt, luôn phù hợp với các quy định của các tổ chức đăng kiểm và các đợt kiểm tra của hang Shell, đáp ứng được yêu cầu của người thuê tàu trong khu vực..

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025:

Hoạt động SXKD của Công ty VP năm 2025 tiếp tục lỗ do những khó khăn bởi chi phí đầu vào: chi phí nhiên liệu, lãi vay, nguồn cung lao động gặp khó khăn trong khi đó đầu ra chưa khởi sắc. Kết quả kinh doanh của Công ty VP năm lỗ 32,89 tỷ đồng. Lỗ lũy kế của Công ty hết năm 2025 là 245,8 tỷ đồng, VCSH đến 31/12/2024 là - 94,14 tỷ đồng.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026:

Trong năm 2026 Tổng công ty PLC đề xuất Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tạo điều kiện hỗ trợ cho Công ty VP tiếp cận, thực hiện các đơn hàng vận chuyển phù hợp với quá trình vận hành tổ chức kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên; đồng thời chỉ đạo đơn vị thành viên trực thuộc Tổng công ty PLC tiếp tục ưu tiên lựa chọn sử dụng dịch vụ vận tải của Công ty VP đối với các nhu cầu vận tải hàng hóa phục vụ hoạt động kinh doanh.

Chủ động xây dựng phương án mở rộng mạng lưới khách hàng ngoài Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex để gia tăng ngày vận doanh. Mặt khác, tiếp tục làm việc với các đối tác để tìm phương án cho thuê tàu nếu phù hợp, tăng cường công tác quản lý, tiết giảm các chi phí trong vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng để giảm các nguồn chi cũng như làm việc với Ngân hàng để giảm lãi suất hiện tại.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

- **Cổ phần**

Tổng số cổ phiếu lưu hành:

80.798.839 cổ phiếu,

100% tự do chuyển nhượng.

Trong đó:

Cổ phiếu quỹ: **1.273 cổ phần**

Cổ phiếu của cổ đông hiện hữu: **80.797.566 cổ phần**

Cổ phiếu ưu đãi : **0 cổ phần**

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2025 là: 15.987 đồng/cổ phần.

Lãi trên cổ phiếu năm 2025 là:

334 đồng/cổ phần.

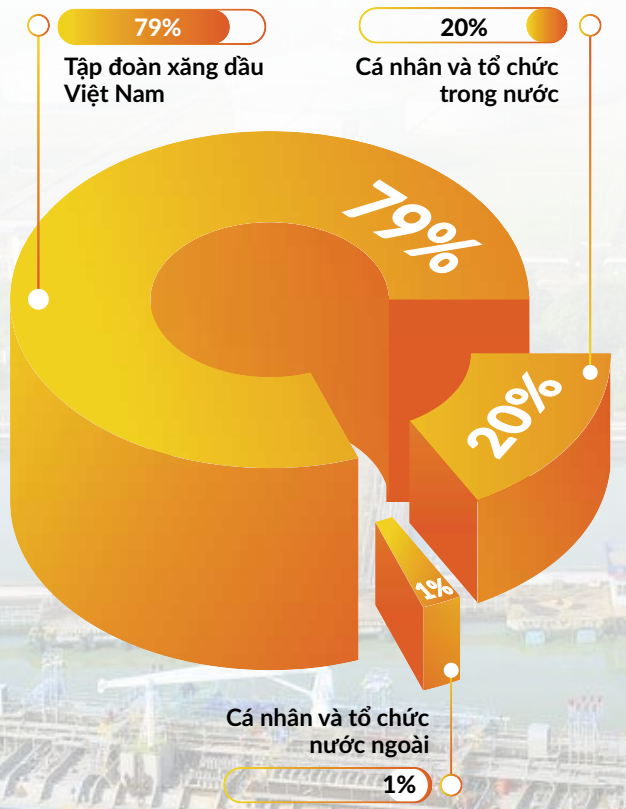

Cơ cấu cổ đông chốt ngày 31/12/2025:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
I	**TRONG NƯỚC**	**5.602**	**15.948.595**	**19,74%**
1	Cá nhân, trong đó	**5.594**	15.921.543	19,71%
	Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	8	27.052	0,033%
2	Tổ chức	**25**	**64.124.671**	**79,36%**
-	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	**1**	63.889.259	79,07%
-	Tổ chức khác	24	235.412	0,29%
II	**NƯỚC NGOÀI**	**76**	**725.573**	**0,90%**
1	Cá nhân	60	89.175	0,110%
2	Tổ chức	16	636.398	0,788%
	Tổng cộng (I) + (II)	**5.703**	**80.798.839**	**100%**

• Danh sách cổ đông lớn

STT	Cổ đông	Số cổ phần	% vốn góp	Đối tượng sở hữu
1	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam - Số 1 Khâm Thiên - Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám - Hà Nội	63.889.259	79,07%	Tổ chức trong nước

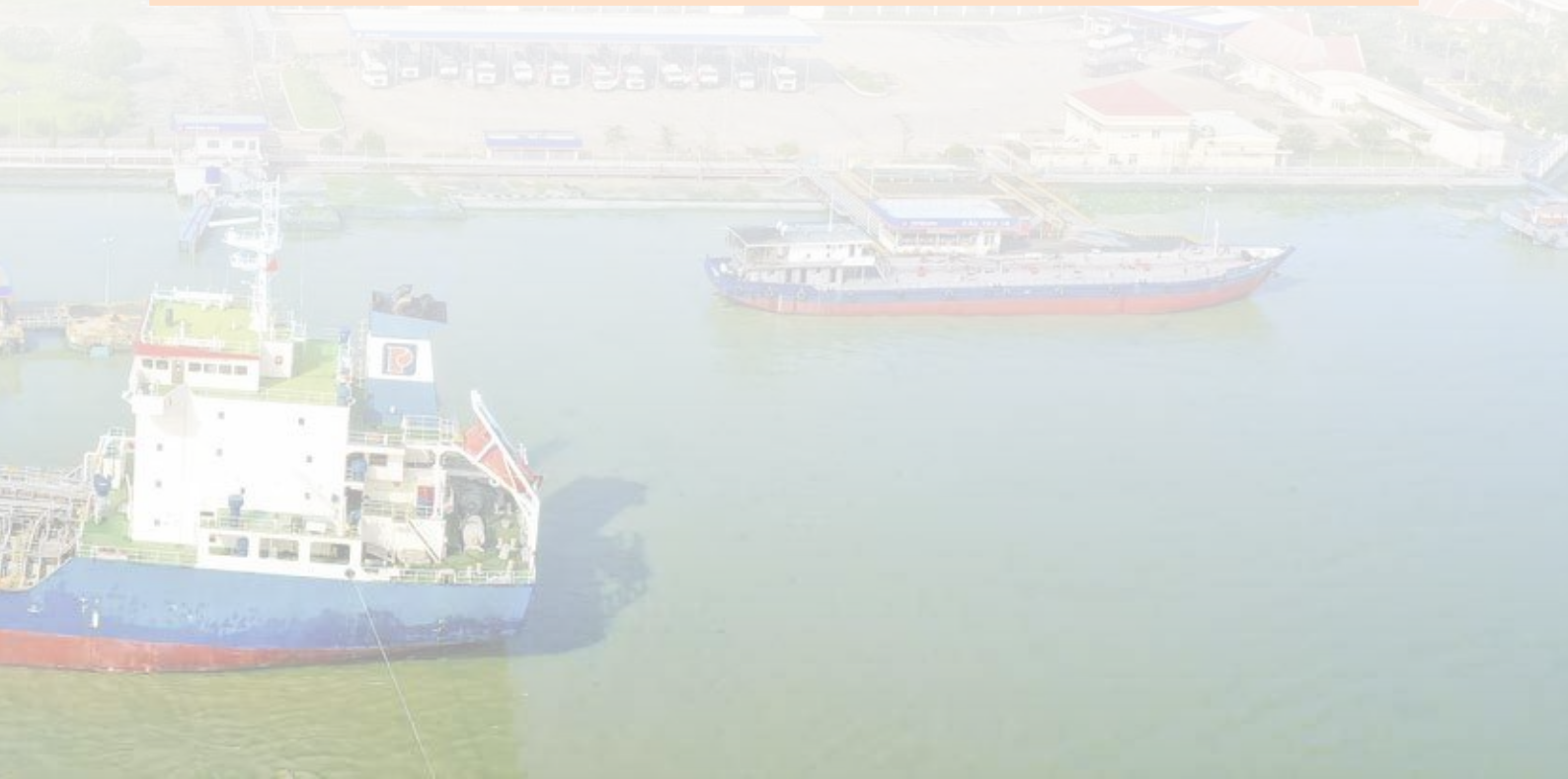

CHƯƠNG III

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 44
2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 50
3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ 53
4. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026 54
5. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI 55

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2025, hoạt động kinh doanh của TCT PLC chịu tác động đan xen bởi nhiều yếu tố thuận lợi và khó khăn, trong đó thuận lợi hơn với ngành hàng Nhựa đường và khó khăn, thách thức là chủ yếu với ngành hàng Dầu mỡ nhờn, Hóa chất khi phải chịu tác động tiêu cực từ nhiều yếu tố bất khả kháng dẫn đến kết quả, hiệu quả chung không đạt như kỳ vọng. Tuy nhiên, với sự quan tâm, ủng hộ của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, sự định hướng, quản trị đúng đắn của HĐQT TCT PLC, sự điều hành quyết liệt của Ban TGĐ cùng sự nỗ lực, cố gắng phấn đấu của CB-NLĐ đã giúp TCT PLC vượt qua nhiều khó khăn, thách thức của năm 2025, cơ bản đạt được các chỉ tiêu kế hoạch chính được HĐQT TCT giao; hoạt động SXKD an toàn về mọi mặt.

NGÀNH HÀNG DẦU MỠ NHỜN

A. THUẬN LỢI:

- Tổng công ty PLC luôn nhận được sự hỗ trợ, tạo điều kiện và quan tâm lớn từ Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam trong công tác chỉ đạo, giao các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lãi gộp, tiền lương đối với hoạt động KD DMN tại các KHPLX.

- Thương hiệu DMN Petrolimex (PLXLUBES) được khẳng định về chất lượng, nhãn hiệu và được khách hàng tin dùng. Các sản phẩm PLXLUBES có khả năng thay thế hầu hết các sản phẩm DMN của các hãng nước ngoài.

- Nguồn hàng DMN, tồn kho nguyên vật liệu sản xuất DMN ổn định, đáp ứng các đơn hàng số lượng lớn, trong thời kỳ khuyến mại và thời gian kéo dài.

- Tổng công ty PLC đảm bảo thực hiện tốt công tác dịch vụ kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu của khách hàng công nghiệp của các KHPLX, khách hàng công nghiệp, khách hàng hàng hải của Tổng công ty PLC.

- Năm 2025, Tổng công ty PLC (Công ty mẹ) tiếp tục cải tiến chính sách tiền lương tập trung cho toàn bộ các kênh kinh doanh để tạo động lực tích cực gia tăng tối đa sản lượng tiêu thụ.

- Có nhiều giải pháp để gia tăng sản lượng ngoài PLX; đặc biệt với các kênh KD DMN Công nghiệp, DMN Hàng hải, KHPP DMN Lon hộp.

B. KHÓ KHĂN:

- Tình hình lũ, bão, lụt liên tiếp khắp cả nước trong các tháng cuối năm 2025 đã làm giảm nhu cầu thị trường khi thị trường dầu nhờn cạnh tranh ngày càng gay gắt, các hãng đẩy mạnh cạnh tranh về giá, khuyến mại, hỗ trợ bán hàng và công nợ trên hầu hết phân khúc, làm gia tăng áp lực lên thị phần PLX-LUBES. Một bộ phận khách hàng có xu hướng tiết giảm chi phí, chuyển sang sử dụng nhà cung cấp giá thấp ảnh hưởng đến sản lượng và thị phần của PLC.

- Xu hướng sử dụng xe đạp điện, xe máy điện, ô tô điện đang phổ biến, ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng các phương tiện sử dụng động cơ truyền thống và ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng dầu động cơ.

- Năm 2025 là năm thứ hai ngành hàng DMN phải thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu trong việc tái chế, thu gom, xử lý chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường làm tăng chi phí.

- Tỷ giá ngoại tệ liên tục tăng từ đầu năm 2025 làm đơn giá nhập các loại nguyên vật liệu nhập khẩu của TCT PLC tăng theo; đồng thời, lãi suất cho vay ngân hàng các tháng cuối năm 2025, giá một số loại nguyên vật liệu đầu vào có xu hướng tăng làm giảm hiệu quả kinh doanh.

- Với những thuận lợi và khó khăn nêu trên, kết quả SXKD năm 2025 ngành hàng dầu mỡ nhờn đã đạt được tổng sản lượng đạt 31.849 tấn, bằng 109,41% cùng kỳ 2024, đạt 101,30% Kế hoạch 2025; doanh thu dầu mỡ nhờn đạt 1.975 tỷ đồng, bằng 107,2% cùng kỳ, đạt 99,3% Kế hoạch 2025; Lợi nhuận trước thuế (chưa bao gồm trích dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con và lợi nhuận công ty con chuyển về) đạt 100,29 tỷ đồng, bằng 93,96% cùng kỳ 2024, đạt 91,17 % KH 2025.

NGÀNH HÀNG NHỰA ĐƯỜNG

A. THUẬN LỢI:

- Hệ thống kho bể, công nghệ của Công ty được đầu tư đồng bộ, nâng cấp kịp thời đem lại hiệu quả tồn chứa và sản xuất cho Công ty.

- Hệ thống Nhà máy trải dài trên cả nước đem lại lợi thế cho Công ty trong việc cung cấp sản phẩm cho các dự án với cự ly vận chuyển hợp lý. Đồng thời với dàn xe chở nhựa đường, xe phun tưới nhũ tương được đầu tư chuyên nghiệp đã khẳng định vị trí nhà cung cấp nhựa đường của Công ty đối với một số dự án lớn.

- Công tác dịch vụ, kỹ thuật sản phẩm cho Khách hàng chính là điểm lợi thế của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh khẳng định vị thế chất lượng sản phẩm đồng thời hỗ trợ Khách hàng trong công tác thi công.

- Thương hiệu Nhựa đường Petrolimex - Nhà cung cấp nhựa đường hàng đầu Việt Nam đã được khẳng định không chỉ đối với các Chủ đầu tư, nhà thầu mà còn có sự hợp tác, hỗ trợ của các Vụ, Viện, Phòng thí nghiệm trọng điểm giúp Công ty thâm nhập vào các dự án chất lượng.

- Công tác phát triển bán các sản phẩm nhựa đường do Petrolimex sản xuất tiếp tục được Công ty chú trọng triển khai, nhiều khách hàng của Công ty tin tưởng sử dụng, đem lại hiệu quả bán hàng tốt cho Công ty.

B. KHÓ KHĂN:

- Nhựa đường là sản phẩm phục vụ thi công đường bộ nên những vướng mắc, khó khăn của ngành giao thông vận tải đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: khó khăn vướng mắc trong việc tổ chức triển khai các dự án kết cấu hạ tầng giao thông nhất là các dự án trọng điểm, dự án quan trọng quốc gia còn chưa đạt yêu cầu; công tác giải phóng mặt bằng một số dự án còn chậm; chưa hoàn thành việc chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng, đất lúa dự án cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025; nguồn vật liệu xây dựng còn thiếu; một số dự án tổ chức thi công còn chậm.

- Sự cạnh tranh ngày càng tăng từ các đối thủ là các đơn vị tư nhân với chính sách bán hàng thông thoáng, nguồn vốn lớn và cơ chế bán hàng linh hoạt. Công ty Nhựa đường có các lợi thế về hệ thống kho bể ở khu vực miền Trung, tuy nhiên một số đối thủ cạnh tranh đã triển khai xây dựng kho bể với công suất lớn ở Quảng Nam, Khánh Hoà, Cần Thơ.

- Nguồn hàng nhựa đường 60/70 từ Trung Đông giá rẻ đang có xu hướng nhập vào Việt Nam ngày càng nhiều, cạnh tranh với giá bán của các mặt hàng của Công ty, gây ra nhiều khó khăn trong công tác kinh doanh.

- Diễn biến thời tiết bất thường do biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng lớn tới các đơn vị thi công giao thông và làm nhu cầu thị trường nhựa đường ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với những thuận lợi và khó khăn nêu trên, kết quả SXKD ngành hàng nhựa đường đã đạt được trong năm 2025, cụ thể như sau: Về sản lượng đạt 275,2 nghìn tấn bằng 119,61% cùng kỳ năm 2024 và đạt 108,36% KH 2025; doanh thu đạt 3.899 tỷ đồng; bằng 113,47% so với KH 2025 và 125,27% so với cùng kỳ năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt 74,1 tỷ đồng bằng 730% so với cùng kỳ năm 2024 và đạt 171,9% KH 2025.

NGÀNH HÀNG HÓA CHẤT

A. THUẬN LỢI:

- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex là đơn vị kinh doanh các sản phẩm hóa chất uy tín, lâu năm, Công ty đã có được các điều kiện thuận lợi nhất định trong lĩnh vực kinh doanh hóa chất. Thương hiệu Petrolimex là thương hiệu lâu năm, uy tín nên tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc tìm kiếm nhà cung cấp mới và khách hàng mới.

- Cơ sở vật chất ở tại cả 2 miền Nam Bắc bao gồm: Kho Dung môi Hóa chất Đình Vũ, Thượng Lý tại TP Hải Phòng và Kho Dung môi Hoá chất Nhà Bè – tại TP Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kinh doanh.

B. KHÓ KHĂN:

- Trong năm 2025, giá đầu vào của phần lớn các mặt hàng biến động mạnh với xu hướng đi xuống, đồng thời do ảnh hưởng địa chính trị toàn cầu, chiến tranh thương mại giữa các nước lớn dẫn đến tổng cầu giảm làm cho sản xuất cũng bị giảm quy mô. Bên cạnh đó, Công ty nhập hàng về về cảng Đình Vũ thường xuyên xảy ra tình trạng kẹt cầu cảng dẫn đến phát sinh các phí lưu tàu lớn và quá trình đàm phán giải quyết phí lưu tàu này cũng ảnh hưởng đến mối quan hệ với các nhà cung cấp.

- Nhu cầu thị trường trong nước rất thấp do ảnh hưởng của dư địa chính trị như Mỹ tăng thuế đầu vào hàng xuất khẩu, cuộc điều trần của Mỹ đối với hàng xuất khẩu gỗ kết thúc nhưng ngành công nghiệp xuất khẩu đồ gỗ sang thị trường Mỹ vẫn chưa tăng trở lại, nhu cầu nội tại trong nước thấp do kinh tế vĩ mô gặp nhiều khó khăn.

- Công ty phải đối mặt với cạnh tranh gay gắt từ rất nhiều nhà cung cấp khác trên thị trường. Các đối thủ thường áp dụng đồng bộ và đồng thời nhiều biện pháp khác nhau như: nhanh chóng điều chỉnh giá bán cho phù hợp với mức giá trên thị trường, áp dụng chiết khấu thanh toán, công nợ dài ngày, chi mạnh cho hoa hồng bán hàng, phát triển đa dạng ngành nghề, áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro, xây dựng các nhà máy hạ nguồn để tận dụng đưa nguồn nguyên liệu vào trong sản xuất, ... Tuy nhiên, trong các năm gần đây, tỷ suất lợi nhuận chung trong ngành không cao, chỉ khoảng 4-5%..

- Giá bán hàng trong năm 2025 diễn biến theo giá đầu vào và chịu ảnh hưởng bởi yếu tố nhu cầu trong nước thấp, nguồn cung hàng dồi dào và cạnh tranh gay gắt trên thị trường. Giá hàng biến động trong suốt quá trình từ khi quyết định mua hàng đến khi hết lô hàng nên Giá bán thực tế khi hàng nhập về Việt Nam không đạt kỳ vọng đạt biên Lãi gộp so với Giá bán tại thời điểm lập phương án ký Hợp đồng nhập mua hàng do thời điểm hàng cập cảng hoàn thiện thủ tục nhập khẩu thì Giá bán trên thị trường đã giảm nên dẫn đến phải bán hàng để duy trì thanh khoản cho hoạt động kinh doanh diễn ra liên tục.

Với những thuận lợi, khó khăn nêu trên nên kết quả hoạt động năm 2025 của ngành hàng hóa chất như sau: Sản lượng đạt 131,23 nghìn tấn, đạt 104,64% so kế hoạch 2025 và bằng 115,12% so với cùng kỳ năm 2024; doanh thu đạt 1.907,2 tỷ đồng; bằng 86,54% kế hoạch năm 2025 và bằng 96,12% so với thực hiện cùng kỳ năm 2024; Lợi nhuận năm 2025 của Công ty là lỗ 104,606 tỷ đồng.

thành kế hoạch do HĐQT Tổng công ty PLC giao (6 tỷ);

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY LIÊN KẾT (CÔNG TY CP VẬN TẢI HÓA DẦU VP:

- Khối lượng vận tải năm 2025 là 137.909 tấn đạt 91% so với kế hoạch 2025, bằng 138% cùng kỳ 2024. Số chuyến vận chuyển là 60 chuyến, bằng 91% KH 2025, bằng 140% cùng kỳ 2024.
- Doanh thu bán hàng năm 2025 là 126.310 triệu đồng, bằng 89% Kế hoạch 2025, bằng 118% cùng kỳ 2024.
- Lợi nhuận trước thuế của Công ty VP trong năm 2025 là -32.890 triệu đồng. Lỗ lũy kế của Công ty hết 31/12/2025 là 245.803 triệu đồng, VCSH đến 31/12/2025 là -94.136 triệu đồng.
- Trong năm 2025, TCT PLC đã phối hợp cùng Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO, Công ty VP và đơn vị tư vấn làm việc với các ngân hàng để cơ cấu lại hợp đồng tín dụng; rà soát tình hình hoạt động của Công ty VP và nghiên cứu các giải pháp để báo cáo Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH HỢP NHẤT NĂM 2025

ĐVT: Tấn, Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH2024	KH2025	TH 2025	% so KH 2025	% so cùng kỳ 2024
1.	**Sản lượng**	**373.222**	**410.850**	**438.324**	**106,69%**	**117,44%**
1.1	Dầu mỡ nhờn	29.111	31.440	31.849	101,30%	109,41%
1.2	Nhựa đường	230.114	254.000	275.243	108,36%	119,61%
1.3	Hóa chất	113.997	125.410	131.232	104,64%	115,12%
2.	**Doanh thu**	**6.931.744**	**7.630.580**	**7.774.048**	**101,88%**	**112,15%**
2.1	Dầu mỡ nhờn	1.842.643	1.990.073	1.975.710	99,28%	107,22%
2.2	Nhựa đường	3.112.768	3.436.561	3.899.389	113,47%	125,27%
2.3	Hóa chất	1.984.310	2.203.946	1.907.238	86,54%	96,12%
3.	**LN trước thuế**	**70.395**	**140.000**	**68.542**	**48,96%**	**97,37%**
3.1	Dầu mỡ nhờn	106.735	110.000	100.290	91,17%	93,96%
3.2	Nhựa đường	10.539	43.110	74.105	171,90%	703,14%
3.3	Hóa chất	-46.879	2.000	-104.606		
4.	**Nộp NSNN**	**617.914**	**544.478**	**816.801**	**132,19%**	**150,02%**

- *Về sản lượng: đạt 438.324 tấn bằng 117,44% TH 2024 và đạt 106,69% KH 2025.*
- *Về doanh thu: đạt 7.774 tỷ đồng bằng 112,15% TH 2024 và đạt 101,88% KH 2025.*
- *Về LNTT: đạt 68,54 tỷ đồng bằng 97,37% TH 2024 và đạt 48,96% KH 2025.*

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN, NGUỒN VỐN HỢP NHẤT TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2025

TÀI SẢN HỢP NHẤT TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2025

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2024	Năm 2025	So sánh năm 2025 với năm 2024	
				Giá trị	Tỷ lệ %
Tổng tài sản	triệu đồng	4.079.955	3.935.544	-144.410	96,46%
Tài sản ngắn hạn	triệu đồng	3.238.681	3.120.313	-118.368	96,35%
Tài sản dài hạn	triệu đồng	841.274	815.231	-26.043	96,90%

CƠ CẤU TÀI SẢN GIAI ĐOẠN 2021-2025: Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tiền và các khoản tương đương tiền	375.859	549.952	287.644	298.965	494.626
Hàng tồn kho	1.246.676	1.431.770	1.373.321	1.054.341	990.086
Phải thu của khách hàng	1.642.760	1.647.561	1.448.834	1.390.452	1.186.400
Tài sản cố định	818.660	744.775	705.948	641.644	605.581
Đầu tư tài chính dài hạn	23.143	1.698	0	0	0
Tài sản khác	221.116	200.012	212.679	216.326	232.954

TÀI SẢN VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2025

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2024		Năm 2025		So năm 2025 với năm 2024		Tỷ lệ tăng/ giảm
			Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ %	
A	**Tổng tài sản**	tr.đ	4.079.955	100,00%	3.935.544	100,00%	-144.410	96,5%	-3,54%
1	Tài sản ngắn hạn	tr.đ	3.238.681	79,38%	3.120.313	79,29%	-118.368	96,3%	-3,65%
2	Tài sản dài hạn	tr.đ	841.274	20,62%	815.231	20,71%	-26.043	96,9%	-3,10%
B	**Tổng nguồn vốn**	tr.đ	4.079.955	100,00%	3.935.544	100,00%	-144.410	96,5%	-3,54%
1	Nợ phải trả	tr.đ	2.830.304	69,37%	2.699.353	68,59%	-130.951	95,4%	-4,63%
-	Nợ ngắn hạn	tr.đ	2.812.477	68,93%	2.660.855	67,61%	-151.623	94,6%	-5,39%
-	Nợ dài hạn	tr.đ	17.826	0,44%	38.498	0,98%	20.672	216,0%	115,96%
2	Vốn chủ sở hữu	tr.đ	1.249.651	30,63%	1.236.192	31,41%	-13.459	98,9%	-1,08%

Về quản lý vốn lưu động:

- Vốn bằng tiền: Tổng công ty PLC đã duy trì được mức giá trị vốn bằng tiền ở mức cao, đồng thời quản lý dòng tiền có hiệu quả, linh hoạt và an toàn, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh cũng như các dự án đầu tư theo kế hoạch.

- Nợ phải thu khách hàng: Chiếm 30,15% tổng tài sản. Trong năm, Tổng công ty PLC đã tiếp thu ý kiến cổ đông chi phối về việc tăng cường công tác quản trị rủi ro công nợ phải thu khách hàng. Tuy nhiên, với đặc thù của doanh nghiệp vừa sản xuất, vừa kinh doanh thương mại nên Tổng công ty PLC vẫn phải tiếp tục duy trì chính sách quản lý nợ phải thu, chính sách tín dụng khách hàng theo hướng tạo điều kiện để khách hàng mở rộng thị phần, tăng sản lượng.

- Hàng tồn kho: Chiếm 25,16% tổng tài sản. Chính sách quản lý hàng tồn kho được duy trì.

- Nợ phải trả người bán ngắn hạn: Chiếm 11,5% tổng nguồn vốn. Tổng công ty PLC duy trì chính sách thanh toán với nhà cung cấp hợp lý và chặt chẽ, phù hợp với tình hình hoạt động.

Về quản lý tài sản dài hạn:

Năm 2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng 2,47%, từ 1.769 tỷ đồng lên 1.813 tỷ đồng. Tổng công ty PLC duy trì chính sách quản lý tài sản dài hạn và đầu tư mới đã được thiết lập để đảm bảo việc quản lý tài sản đạt hiệu quả cao, phù hợp với sự tăng trưởng trong tương lai, không để xảy ra lãng phí và thất thoát tài sản.

Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Năm 2025, Tổng công ty không thực hiện đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

Tình hình Đầu tư CSVCKT năm 2025

Thực hiện năm 2025 là: 69.209 triệu đồng, đạt 43,1% kế hoạch, bằng 131,2% giá trị thực hiện cùng kỳ năm 2024 (52.766 triệu đồng); trong đó:

- Các hạng mục đầu tư mới: Kế hoạch vốn đầu tư mới CSVCKT là: 132.438 triệu đồng; Giá trị thực hiện năm 2025 là: 45.616 triệu đồng; đạt 34,4% kế hoạch, bằng 192,4% giá trị thực hiện cùng kỳ năm 2024 (23.704 triệu đồng).

- Các hạng mục sửa chữa lớn: Kế hoạch vốn sửa chữa lớn là: 27.978 triệu đồng; Giá trị thực hiện năm 2025 là: 23.593 triệu đồng; đạt 84,3%kế hoạch, bằng 81,2% giá trị thực hiện cùng kỳ năm 2024 (29.062 triệu đồng).

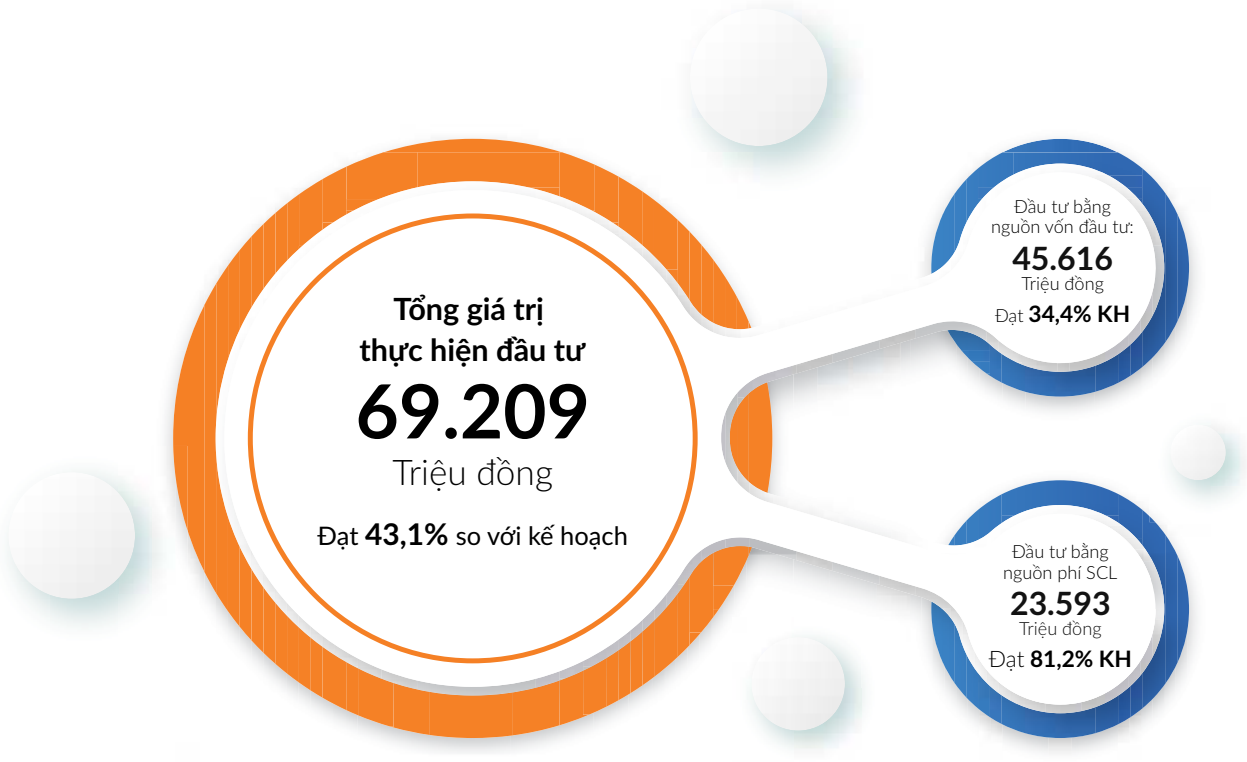

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/CHỦ ĐẦU TƯ	KH 2025	TH 2025	TH/ KH 2025 (%)
I	**TCT PLC (Công ty mẹ)**	**120.343**	**48.760**	**40,5%**
1	Đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư	102.573	32.200	31,4%
2	Đầu tư bằng nguồn phí SCL	17.770	16.560	93,2%
II	**Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex**	**30.470**	**20.356**	**66,8%**
1	Đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư	22.150	13416	60,6%
2	Đầu tư bằng nguồn phí SCL	8.320	6.940	83,4%
III	**Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex**	**9.603**	**93**	**1,0%**
1	Đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư	7.715		0,0%
2	Đầu tư bằng nguồn phí SCL	1.888	93	4,9%
	Tổng cộng (I+II+III):	**160.416**	**69.209**	**43,1%**
Trong đó:				
1	Đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư	132.438	45.616	34,4%
2	Đầu tư bằng nguồn phí SCL	27.978	23.593	84,3%

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý - điều hành

- Sửa đổi, bổ sung, ban hành lại một số quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định mới của Nhà nước và pháp luật;

- HĐQT TCT PLC đã ban hành các nghị quyết, quyết định, văn bản về kiện toàn Ban chỉ đạo tái cấu trúc TCT PLC và các Tiểu ban giúp việc và thực hiện phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban chỉ đạo tái cấu trúc TCT PLC;

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung công việc liên quan dự án phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp với mục tiêu đảm bảo thống nhất áp dụng đồng bộ cho Tổng công ty PLC và các Công ty con.

- Tiếp tục tăng cường điều hành tài chính hiệu quả giữa các đơn vị trong Tổng công ty.

Các biện pháp kiểm soát rủi ro, tăng cường hiệu quả hoạt động

- Nâng cao vai trò quản trị doanh nghiệp thông qua việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các Quy chế quản lý nội bộ.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất, giám sát trong toàn Tổng công ty.

- Tăng cường trong công tác quản lý, giám sát để tiết giảm chi phí.

- Phối hợp thường xuyên, liên tục, chặt chẽ giữa các phòng, ban nhằm kiểm soát tốt các diễn biến của thị trường, nhanh chóng đưa ra các giải pháp trong từng tình huống cụ thể.

- Tập trung mọi nguồn lực vào lĩnh vực chuyên ngành, không đầu tư vào các ngành nghề không phải là thế mạnh đối với Tổng công ty.

- Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại nhằm cập nhật và nâng cao kiến thức, kỹ năng của Cán bộ người lao động với mục tiêu phát triển con người đáp ứng xu hướng phát triển nhanh và mạnh mẽ của thời đại 4.0 hiện nay.

4. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026

- Tình hình thế giới: Bức tranh kinh tế toàn cầu năm 2026 đã thay đổi cục diện đột ngột sau khi xung đột vũ trang giữa Mỹ, Israel và Iran tại Trung Đông bùng phát vào ngày 28/02/2026. Các dự báo mang tính lạc quan được đưa ra trước thời điểm này đã không còn phản ánh đúng thực tế. Dựa trên các đánh giá thận trọng và cập nhật nhất từ Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), tăng trưởng toàn cầu năm 2026 dự kiến chỉ duy trì ở mức khoảng 2,9%, hoặc thậm chí đối mặt với rủi ro suy giảm sâu hơn nếu căng thẳng tiếp tục leo thang. Sự kiện ngày 28/02/2026 đã kích hoạt hàng loạt rủi ro lớn: thị trường năng lượng bị gián đoạn nghiêm trọng đẩy giá nhiên liệu lên cao, chuỗi cung ứng hàng hóa qua khu vực này bị đứt gãy. Hậu quả là lạm phát toàn cầu có dấu hiệu tăng nhiệt trở lại (OECD đã phải nâng dự báo lạm phát G20 lên mức 4,0%), làm suy giảm đáng kể niềm tin và sức mua của người tiêu dùng trên toàn thế giới.

- Tác động đến Việt Nam: Cú sốc từ Trung Đông cộng hưởng với đà tăng trưởng toàn cầu chững lại tạo ra những sức ép mới và trực diện đối với Việt Nam:

+ Áp lực chi phí và lạm phát nhập khẩu: Chuỗi cung ứng hàng hóa bị đứt gãy, khan hiếm nguồn cung, giá năng lượng và cước vận tải biển tăng vọt làm đội chi phí đầu vào của các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu.

+ Sức ép lên tỷ giá và lãi suất: Lạm phát toàn cầu khó hạ nhiệt buộc ngân hàng trung ương các nước lớn tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt lâu hơn dự kiến, gây áp lực trực tiếp lên tỷ giá và chi phí vốn tại Việt Nam.

+ Rủi ro xuất khẩu: Cầu tiêu dùng tại các thị trường trọng điểm như EU, Mỹ, Trung Quốc suy yếu do lạm phát, kết hợp với các chính sách thuế quan đối ứng khắt khe đang được áp dụng, sẽ làm giảm khả năng cạnh tranh và thu hẹp biên lợi nhuận của hàng hóa Việt Nam.

- Tình hình trong nước: Bám sát các định hướng từ Chỉ thị số 31/CT-TTg (ngày 18/10/2025) và các Nghị quyết của Quốc hội thông qua vào cuối năm 2025, Chính phủ vẫn duy trì quyết tâm chính trị rất cao với các mục tiêu kinh tế lớn cho năm 2026: Tăng trưởng GDP phấn đấu đạt từ 10% trở lên; Kiểm soát lạm phát ở mức khoảng 4,5%; Thu nhập bình quân đầu người đạt 5.400 - 5.500 USD. Tuy nhiên, trước biến cố địa chính trị bất ngờ vào cuối tháng 2/2026, việc hiện thực hóa các mục tiêu này đòi hỏi nỗ lực điều hành linh hoạt và quyết liệt hơn gấp nhiều lần. Chính phủ đang tập trung cao độ vào việc tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đồng thời kích hoạt các biện pháp bình ổn giá nhằm kiểm soát giá xăng dầu, kiểm soát lạm phát trong nước trước sức ép từ giá năng lượng thế giới. Các động lực tăng trưởng cốt lõi đang được khơi thông tối đa: đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công để dẫn dắt đầu tư tư nhân, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu nhằm hạn chế rủi ro tập trung, mạnh mẽ kích cầu thị trường nội địa. Song song đó, công tác cải cách thể chế tiếp tục được tăng tốc để giải phóng nguồn lực, tạo sức chống chịu vững chắc cho nền kinh tế trước những diễn biến khó lường từ bên ngoài.

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện năm 2025 và dự báo tình hình năm 2026, cùng với định hướng kế hoạch của Tập đoàn XDVN, TCT PLC đề ra những định hướng, chỉ tiêu kế hoạch cơ bản và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cho năm 2026 như sau:

● Một số định hướng, giải pháp:

- Tiếp tục hoàn thiện phương án giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại TCT PLC; đồng thời tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và triển khai phương án tái cấu trúc tổng thể toàn TCT PLC trong đó tập trung tái cấu trúc Công ty Hóa chất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, xây dựng chiến lược chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực quản trị, điều hành và hiệu quả hoạt động kinh doanh theo chỉ đạo của Tập đoàn XDVN, của HĐQT TCT PLC. Tăng cường công tác quản lý, đảm bảo an toàn tài sản và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong toàn PLC.

- Thực hiện các giải pháp tăng cường quản trị nội bộ, sửa đổi bổ xung, ban hành mới các Quy chế, quy định quản lý nội bộ. Chủ động rà soát chức năng nhiệm vụ của các phòng/ban nghiệp vụ toàn hệ thống Công ty mẹ, công ty con đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả minh bạch đầu mối chịu trách nhiệm.

- Tăng cường chất lượng công tác quản lý công nợ phải thu khách hàng, đặc biệt tại Công ty Hóa chất; có biện pháp quyết liệt để giảm số dư công nợ phải thu khách hàng, giảm ngày nợ bình quân, giảm nợ quá hạn (số tuyệt đối và tỷ lệ nợ quá hạn), tăng tỷ lệ công nợ có bảo lãnh theo mục tiêu đã đề ra.

- Đổi mới công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, đánh giá cán bộ, giao kế hoạch tài chính tổng hợp, kế hoạch lao động tiền lương định hướng theo mục tiêu hiệu quả nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị và cá nhân.

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Công ty VIPCO để thực hiện các giải pháp cải thiện hiệu quả hoạt động của Công ty VP trong thời gian tới.

- Thực hiện nghiêm túc các nội dung chỉ đạo của Ban Chỉ đạo quản lý đất đai Tập đoàn XDVN, phối hợp chặt chẽ với các Công ty Xăng dầu và các đơn vị có liên quan để rà soát, giải quyết những tồn tại, vướng mắc về đất đai và cấp phép môi trường, xây dựng, PCCC ... của các Kho/Nhà máy toàn TCT PLC tại các Kho/Tổng kho Xăng dầu đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật.

- Nâng cao công tác quản trị tài chính đặc biệt là quản trị công nợ phải thu khách hàng, phải thu tạm ứng, phải thu khác, quản trị hàng tồn kho hợp lý để kiểm soát giảm thiểu quy mô vốn huy động, qua đó đưa hệ số nợ về mức an toàn, hợp lý, tăng hiệu quả sử dụng vốn; chủ động nhận diện,

đánh giá và kiểm soát các rủi ro đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị có hiệu quả và an toàn tài chính, đặc biệt với Công ty Hóa chất.

- Khẩn trương xây dựng và chỉ đạo triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp quản trị, giải pháp kinh doanh, giải pháp về con người nhằm tranh thủ tận dụng tối đa những chính sách hiện hành, những thuận lợi của các ngành hàng.

- Xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả chi phí; Tăng cường kiểm soát chặt chẽ và thực hiện tiết giảm chi phí để phấn đấu vượt các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận năm 2026.

- Xây dựng kế hoạch hành động về phòng chống lãng phí tập trung nguồn lực cao nhất gia tăng thị phần, gia tăng hiệu quả cho Tổng công ty PLC.

- Nghiêm túc tuân thủ quy định về chế độ báo cáo hiện hành của Tập đoàn, của TCT PLC đảm bảo chất lượng và đúng thời hạn yêu cầu của báo cáo.

● Về kế hoạch tài chính tổng hợp:

- Lợi nhuận trước thuế toàn PLC là 107 tỷ đồng.

- Chỉ tiêu cổ tức: Tối thiểu 8%/năm.

● Về kế hoạch đầu tư CSVCKT:

- Tiếp tục tập trung đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống CSVCKT, nâng cao năng lực sản xuất, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, đáp ứng cho hoạt động SXKD, của TCT PLC.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai ứng dụng phần mềm, hệ thống tự động hóa sản xuất... để nâng cao năng lực quản trị và sản xuất.

- Hoàn thành dự án đầu tư văn phòng tại số 01 Khâm Thiên để tạo môi trường và không gian làm việc ổn định, đáp ứng được điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ người lao động (CB-NLĐ).

- Xây dựng các phương án trước mắt cũng như lâu dài để quản lý và khai thác có hiệu quả các khu đất do TCT và các công ty con quản lý.

5. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Tổng công ty PLC luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Pháp luật về Bảo vệ môi trường. Ưu tiên công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, ứng dụng khoa học kỹ thuật, đầu tư công nghệ mới, hiện đại trong sản xuất. Trong năm 2025, không để xảy ra sự cố nghiêm trọng về cháy nổ và ô nhiễm môi trường, góp phần tạo lập môi trường ổn định cho sản xuất kinh doanh và phát triển; Từng bước nghiên cứu chuyển đổi sang sản xuất xanh, đáp ứng yêu cầu trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR)...

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

● Chính sách lương, thưởng:

- Tổng công ty đã ban hành bản cấu trúc lương mới, thực hiện giao và quyết toán tiền lương cho các đơn vị theo lao động định biên, ngày càng gắn tiền lương với năng suất lao động và hiệu quả công việc, hướng dẫn các đơn vị cơ sở thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động theo Quy chế.

- Tiền lương bình quân NLĐ năm 2025 khoảng 22,6 triệu đồng/người/tháng.

● Chế độ Hợp đồng lao động và Bảo hiểm:

- Tổng công ty PLC thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định.

- 100% cán bộ, người lao động làm việc tại PLC đều được ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động; thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định của Luật lao động như: BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn lao động, trợ cấp hưu trí, thai sản, ...

- Ngoài chế độ bảo hiểm theo quy định của Luật lao động, PLC còn tổ chức mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho toàn CB-NLĐ, và họ sẽ được thanh toán một phần/toàn bộ các chi phí liên quan đến khám, chữa bệnh khi ốm đau.

- Quyền lợi của người lao động theo các chương trình, kế hoạch của PLC luôn được đảm bảo và thực hiện đúng, đầy đủ.

● Các phúc lợi khác:

- Cán bộ, người lao động của PLC được hưởng các chế độ khác từ nguồn Quỹ phúc lợi hoặc từ khoản chi phí có tính chất phúc lợi theo nội dung quy định cụ thể trong Thỏa ước Lao động Tập thể của PLC, gồm: chi tham quan nghỉ mát, hỗ trợ cước tàu xe nghỉ phép, chi các dịp Lễ, Tết, chi ngày truyền thống ngành xăng dầu, ngày thành lập TCT PLC, ...; mức chi và nội dung chi các thời điểm khác nhau phụ thuộc vào điều kiện thực tế hoạt động SXKD của PLC.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG-

Với tinh thần tương thân tương ái, cảm thông và sẻ chia những khó khăn với cộng đồng và CB-NLĐ, Tổng công ty PLC luôn dành một phần ngân sách cho các hoạt động từ thiện, tri ân ngày thương binh liệt sỹ, ủng hộ gia đình chính sách, đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ các quỹ người cao tuổi, người già tàn tật, trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật, nạn nhân chất độc màu da cam, đồng bào bị lũ lụt, xây nhà tình nghĩa... Đây là những hoạt động thường niên của Tổng công ty PLC nhằm góp phần xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với cộng đồng. Năm 2025, Tổng công ty PLC đã chi 507 triệu đồng cho công tác an sinh xã hội.

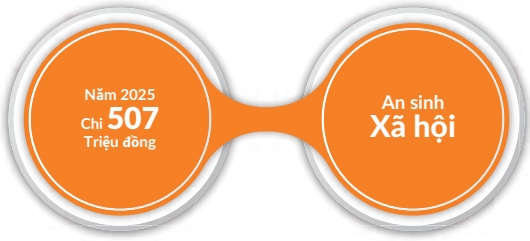

CHƯƠNG IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY 58
2. ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 58
3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 59

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

- Năm 2025, Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex hoạt động trong bối cảnh môi trường kinh doanh có nhiều biến động phức tạp, đặc biệt là sự bất ổn của thị trường năng lượng, biến động giá nguyên liệu đầu vào, áp lực cạnh tranh gia tăng trong cả ba ngành hàng chủ lực và những yêu cầu ngày càng cao về quản trị doanh nghiệp. Trong điều kiện đó, Hội đồng quản trị đánh giá Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong tổ chức thực hiện các giải pháp điều hành linh hoạt, duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo các cân đối lớn của Tổng công ty.

- Về tổng thể, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 cơ bản được duy trì ổn định, một số chỉ tiêu về sản lượng và doanh thu đạt kế hoạch đề ra; tuy nhiên hiệu quả kinh doanh chưa đạt kỳ vọng, thể hiện ở mức lợi nhuận hợp nhất còn thấp so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu đến từ khó khăn tại ngành hàng Hóa chất, cùng với áp lực chi phí tài chính gia tăng và biến động bất lợi của thị trường. Hội đồng quản trị nhận định rằng những tồn tại này không chỉ mang tính chất ngắn hạn mà còn phản ánh một số hạn chế nội tại trong cơ cấu hoạt động, quản trị chi phí và phân bổ nguồn lực cần tiếp tục được rà soát, xử lý một cách căn cơ trong thời gian tới.

- Đối với từng lĩnh vực hoạt động, Hội đồng quản trị đánh giá ngành hàng Dầu mỡ nhờn tiếp tục giữ vai trò là trụ cột về hiệu quả, duy trì được vị thế trên thị trường và đóng góp tích cực vào kết quả chung của Tổng công ty. Ngành hàng Nhựa đường đạt mức tăng trưởng tốt về sản lượng và doanh thu, tận dụng được cơ hội từ đầu tư hạ tầng trong nước; tuy nhiên cần tiếp tục kiểm soát rủi ro về giá và cạnh tranh. Ngành hàng Hóa chất bộc lộ nhiều khó khăn, hiệu quả kinh doanh thấp, tiềm ẩn rủi ro về tồn kho và biến động giá, đòi hỏi phải có các giải pháp tái cấu trúc phù hợp cả về mô hình kinh doanh và quản trị tài chính.

- Về công tác quản trị doanh nghiệp, Hội đồng quản trị ghi nhận những nỗ lực trong việc rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ, từng bước nâng cao tính minh bạch và kỷ luật trong điều hành. Tuy nhiên, công tác quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và ứng dụng công nghệ trong quản trị vẫn cần được tiếp tục hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

- Liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng công ty đã thực hiện tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn trong sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa dầu. Công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường được quan tâm triển khai đồng bộ; trong năm không xảy ra sự cố lớn ảnh hưởng đến môi trường và an toàn lao động. Bên cạnh đó, Tổng công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động, đảm bảo thu nhập, điều kiện làm việc và an sinh xã hội, qua đó góp phần duy trì sự ổn định và gắn bó của đội ngũ cán bộ, người lao động.

- Trên cơ sở đánh giá nêu trên, Hội đồng quản trị xác định năm 2026 và các năm tiếp theo là giai đoạn cần tập trung củng cố nền tảng quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động, đẩy mạnh tái cấu trúc các lĩnh vực còn hạn chế và từng bước hoàn thiện mô hình phát triển bền vững, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị của Tổng công ty trong dài hạn.

2. ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Năm 2025, Ban Tổng giám đốc đã nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông và nhiệm vụ do Hội đồng quản trị đề ra; quyết liệt trong mọi mặt hoạt động, tổ chức sản xuất, quản lý và điều hành tại các kho, nhà máy, các chi nhánh, cũng như trong các phương án đầu tư...

- Ngoài ra, việc tăng cường giám sát, quản lý, hạn chế hao hụt, cập nhật và cải tiến quy trình quản lý sản xuất đã được Ban Tổng giám đốc thực hiện đem lại hiệu quả rõ nét trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất. Đồng thời, đã kịp thời động viên, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích thực hiện nhiệm vụ SXKD của Tổng công ty.

Trong năm 2025, tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường, nhiều khó khăn thách thức lớn, đặc biệt là cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, căng thẳng thương mại, xung đột quân sự, bất ổn chính trị tại một số quốc gia, khu vực tiếp tục lan rộng, kéo dài; thị trường tài chính, tiền tệ biến động, ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu; thiên tai, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng. Theo OECD, tăng trưởng chung năm 2025 của kinh tế thế giới đạt khoảng 3,2% GDP thấp hơn năm 2024.
Trong nước, cả hệ thống chính trị đã tập trung triển khai thực hiện sắp xếp lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật liên quan, quy định phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; triển khai các Nghị quyết lớn của Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, hội nhập quốc tế, đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, phát triển kinh tế tư nhân. Nhiều hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm khơi dậy niềm tự hào dân tộc, tạo động lực lớn cho nhân dân cả nước tiếp tục phấn đấu, vươn lên thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội... Mặc dù, trong năm 2025, ảnh hưởng lớn của thiên tai, lũ lụt đối với các tỉnh miền Bắc và các tỉnh miền Trung; nhưng nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt, sáng tạo, kịp thời, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm của Chính phủ, các bộ, ngành và nhân dân cả nước cùng chung tay hỗ trợ, đã phần nào giảm bớt các thiệt hại do thiên tai gây ra; Kinh tế - xã hội năm 2025 của nước ta đạt được kết quả tích cực (tăng trưởng GDP năm 2025 ước tăng 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 9,44% của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025; CPI tăng 3,31% so với năm trước; kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 475,04 tỷ USD, tăng 17,0% so với năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 107,95 tỷ USD, giảm 6,1% so với năm trước; kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 455,01 tỷ USD, tăng 19,4% so với năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 137,38 tỷ USD, giảm 2,0%).

Tập thể lãnh đạo cùng với CB-NLĐ toàn Tổng công ty PLC đã cùng nhau phân tích, đánh giá tình hình, cùng với đó là sự

linh hoạt trong công tác điều hành đề ra nhiều giải pháp, với mục tiêu là hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu SXKD. Tuy nhiên khó khăn tại ngành hàng Hóa chất dẫn đến kết quả hoạt động SXKD hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty PLC cơ bản hoàn thành kế hoạch ở một số chỉ tiêu đề ra.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện năm 2025 và dự báo tình hình năm 2026, cùng với định hướng kế hoạch của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, TCT PLC đề ra những định hướng và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cho năm 2026 như sau:

Một là, triển khai đầy đủ các định hướng về đổi mới, sáng tạo trong công tác quản trị doanh nghiệp theo các kết luận của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam nhằm tạo nguồn năng lượng mới trong tư duy quản lý, tổ chức SXKD...để gia tăng hiệu quả hoạt động.

Hai là, khẩn trương xây dựng chiến lược chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực quản trị về điều hành doanh nghiệp; xây dựng và triển khai chuyển đổi số phù hợp với từng giai đoạn, gắn với chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam.

Ba là, tiếp tục tăng cường quản trị doanh nghiệp kiểm soát/quản trị rủi ro tài chính, công nợ đối với từng lĩnh vực ngành hàng; rà soát sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định nhằm tăng cường tính kỷ luật phát huy tốt công tác sử dụng vốn, tài sản, CSVCKT, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả kinh doanh đảm bảo quy mô và hoạt động ổn định, quản lý chi phí hiệu quả.

Bốn là, tăng cường, đẩy mạnh triển khai đồng bộ các giải pháp, nghiên cứu xây dựng đề án, chiến lược phát triển tổng thể đối với 03 ngành hàng nhằm mục tiêu giữ vững, tăng trưởng thị phần và hiệu quả kinh doanh trên cả ba ngành hàng Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường và Hoá chất; Đặc biệt đối với ngành hàng DMN tiếp tục tăng cường công tác tiếp thị bán hàng, phối hợp chặt chẽ với khối khách hàng PLX để phát triển các điểm bán lẻ... nhằm mục tiêu gia tăng sản lượng; đề ra các giải pháp cụ thể từng bước tăng trưởng sản lượng đối với khối khách hàng thương mại ngoài PLX phấn đấu đạt tối thiểu 30% tổng sản lượng xuất bán.

Năm là, Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng Phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng công ty PLC; phương án tinh gọn tổ chức, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết 18 của BCH Trung ương Đảng nhằm tiến tới tái cấu trúc tổng thể Tổng công ty PLC.

Sáu là, tiếp tục tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất đai, CSVCKT của Tổng công ty PLC đúng pháp luật và hiệu quả; phối hợp chặt chẽ với Ban quản lý đất đai Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền để hoàn thiện phương án sắp xếp lại, xử lý tổng thể, nâng cao hiệu quả sử dụng nhà, đất tại Tổng công ty PLC.

Bảy là, tập trung nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực và đào tạo: Tổ chức tuyển chọn/thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao bên ngoài làm việc tại Tổng công ty PLC đồng thời nâng cao kiến thức, chuyên môn nguồn nhân lực nội tại, nhằm tăng cường hiệu quả trong quản lý và nghiệp vụ chuyên môn.

Tám là, Đẩy mạnh công tác tiết kiệm, chống lãng phí, bám sát Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chủ động, tích cực đổi mới, cải cách mạnh mẽ, linh hoạt, sáng tạo và quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành; thực hiện nghiêm Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, để huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho xây dựng, phát triển đất nước.

Chín là, tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp PLC gắn với văn hóa Petrolimex

CHƯƠNG V

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 61
2. BAN KIỂM SOÁT 62
3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT 68
4. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN NĂM 2025 68

1. CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính đến 31/12/2025, HĐQT Tổng công ty PLC có 07 thành viên.
Ngoài số cổ phần được Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ủy quyền đại diện vốn tại Tổng công ty PLC, các TV HĐQT có số lượng cổ phần nắm giữ như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Hành vi vi phạm pháp luật	Quyền lợi mâu thuẫn với PLC	Lợi ích liên quan đối với PLC
1	**Ông Đỗ Hữu Tạo**	Chủ tịch HĐQT chuyên trách				Không	Không	Không
2	**Ông Lê Quang Tuấn**	Thành viên (Tổng giám đốc)	6.782	0,0084%		Không	Không	Không
3	**Ông Nguyễn Thanh Khương**	Thành viên (Phó Tổng giám đốc)				Không	Không	Không
4	**Ông Nguyễn Đức Long**	Thành viên (từ ngày 18/04/2025); (Phó Tổng giám đốc)	552	0,0006%		Không	Không	Không
5	**Ông Nguyễn Hà Trung**	Thành viên				Không	Không	Không
6	**Ông Phan Quang Phú**	Thành viên				Không	Không	Không
7	**Ông Nguyễn Văn Khánh**	Thành viên độc lập				Không	Không	Không
8	**Ông Trần Tuấn Linh**	Thành viên (đến ngày 18/04/2025)				Không	Không	Không

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, đảm bảo nguyên tắc quản trị minh bạch, hiệu quả. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức định kỳ và đột xuất theo đúng quy định; ngoài 15 phiên họp, HĐQT đã thực hiện 56 lượt lấy ý kiến bằng văn bản ban hành 30 Nghị quyết, 79 Quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- HĐQT đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và diễn biến thực tế để ban hành các nghị quyết, định hướng và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 được thực hiện đúng quy định; tại Đại hội, HĐQT đã trình và được thông qua các nội dung quan trọng, bao gồm kiện toàn nhân sự thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029.

- Trong công tác hoạch định và điều hành chiến lược, HĐQT đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 bám sát định hướng của Chính phủ tại Nghị quyết số 25/NQ-CP, đồng thời tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện của Ban Tổng Giám đốc. HĐQT cũng tập trung hoàn thiện khung quản trị nội bộ thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng công ty và đơn vị thành viên, ban hành các quy chế quan trọng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

- Bên cạnh đó, HĐQT duy trì cơ chế phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong chỉ đạo, giám sát thực hiện các nghị quyết; thường xuyên xem xét báo cáo tài chính đã kiểm toán và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ của các đơn vị. Các đề xuất của Ban điều hành và các công ty con được HĐQT xem xét, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Trong lĩnh vực đầu tư và tài chính, HĐQT đã tăng cường chỉ đạo, giám sát các dự án đầu tư, hoạt động vay vốn, đảm bảo tuân thủ quy định và kiểm soát rủi ro. Đồng thời, công tác thi đua, khen thưởng tiếp tục được quan tâm, góp phần tạo động lực cho các tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

- Trong năm 2025, Thành viên Hội đồng quản trị HĐQT độc lập của PLC đã thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và các quy chế nội bộ về quản trị công ty.

- Với vai trò độc lập, khách quan, Thành viên HĐQT độc lập đã tích cực tham gia vào quá trình xem xét, thảo luận và quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của HĐQT, đặc biệt trong các lĩnh vực: chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản trị rủi ro, đầu tư, tài chính và các giao dịch có khả năng phát sinh xung đột lợi ích.

- Thành viên HĐQT độc lập đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT; nghiên cứu kỹ lưỡng tài liệu, có ý kiến đóng góp thẳng thắn, khách quan đối với các nội dung trình HĐQT; Thực hiện giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ trong hoạt động quản trị, điều hành của Tổng công ty; Tham gia ý kiến đối với các quyết định quan trọng nhằm đảm bảo cân bằng lợi ích giữa các cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số; Đóng vai trò phản biện độc lập đối với các đề xuất của Ban điều hành, góp phần nâng cao chất lượng quyết định của HĐQT.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Thành viên HĐQT độc lập luôn đảm bảo tính độc lập, không có xung đột lợi ích và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT và tăng cường niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư đối với Tổng công ty.

2. BAN KIỂM SOÁT

CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hiện nay, Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, cơ cấu như sau:

STT	Thành viên BKS	Chức danh	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Hành vi vi phạm pháp luật	Quyền lợi mâu thuẫn với PLC	Lợi ích liên quan đối với PLC
1	Ông **Đoàn Hồng Sáng**	Trưởng Ban	**0**	**0%**	0	Không	Không	Không
2	Ông **Phạm Tuấn Phương**	Kiểm soát viên	**353**	**0,0004%**	114	Không	Không	Không
3	Bà **Đinh Thị Kiều Trang**	Kiểm soát viên	**0**	**0**	0	Không	Không	Không

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Cuộc họp	Thời gian	Nội dung chính	Tham dự
Stt	Cuộc họp	Thời gian	Nội dung chính	Tham dự
1	Lần 1	Tháng 6/2025	Sơ kết hoạt động 6 tháng đầu năm 2025, triển khai kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm 2025	100%
2	Lần 2	Tháng 12/2025	Tổng kết hoạt động năm 2025, Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2026 của BKS Tổng công ty PLC	100%

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, trong năm 2025, Ban kiểm soát đã tích cực, chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty; Chủ tịch, Giám đốc và Kiểm soát viên các Công ty con để triển khai công việc theo quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát với một số hoạt động cụ thể:

- ► Xây dựng và ban hành Kế hoạch công tác giám sát năm 2025 tại văn bản số 01-25/PLC-KH-BKS ngày 10/01/2025.
- ► Xây dựng Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát và Tờ trình chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Tổng công ty PLC.
- ► Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; Tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Tổng công ty PLC; công tác điều hành tổ chức hoạt động SXKD của Tổng Giám đốc Tổng công ty PLC.
- ► Thẩm định Báo cáo tài chính định kỳ.
- ► Tham gia các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến độc lập, khách quan trong phạm vi quyền hạn của Ban kiểm soát.
- ► Tổ chức thực hiện kiểm tra chuyên đề về Quản lý Tiền lương, Quỹ Khen thưởng - Phúc lợi và Thu nhập khác đối với Người quản lý, Người lao động năm 2024 tại Công ty mẹ - Tổng công ty PLC
- ► Lập Báo cáo kiểm soát hoạt động Tổng công ty định kỳ đúng quy định, gửi Hội đồng quản trị Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.
- ► Thực hiện các công việc khác có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty...

- Năm 2025, Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp định kỳ theo quy định, đảm bảo dân chủ, minh bạch.

- Năm 2025, từng thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đảm bảo khách quan, trung thực trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT, THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2025	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
I	**Tổng tài sản**	**Tr. đồng**	**2.220.384**	**3.935.544**
1	Tài sản ngắn hạn	Tr. đồng	1.461.293	3.120.313
2	Tài sản dài hạn	Tr. đồng	759.092	815.231
3	Lợi thế thương mại	Tr. đồng	-	-
II	**Tổng nguồn vốn**	**Tr. đồng**	**2.220.384**	**3.935.544**
1	Nợ phải trả	Tr. đồng	992.842	2.699.353
2	Vốn chủ sở hữu	Tr. đồng	1.227.542	1.236.192
3	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tr. đồng	-	
III	**Khả năng thanh toán**			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,47	1,17
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,92	0,80
IV	**Cơ cấu nguồn vốn**			
1	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	0,45	0,69
2	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	0,55	0,31
V	**Khả năng sinh lời**			
	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	Tr. đồng	2.220.384	3.935.544
1	ROE (Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu bq)	Tr. đồng	1.461.293	3.120.313
2	ROA (Tỷ suất LNST/Tổng tài sản bq)	Tr. đồng	759.092	815.231
VI	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	Tr. đồng	-	-

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH THEO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ VÀ HĐQT NĂM 2025:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh (%)
1. Sản lượng tiêu thụ (m3/tấn)			
a. Toàn Tổng công ty	410.850	438.324	106,69%
b. Công ty mẹ	31.440	31.849	101,30%
2. Tổng doanh thu thuần (tỷ đồng)			
a. Hợp nhất	7.631	7.774	101,88%
b. Công ty mẹ	1.990	1.976	99,28%
3. Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)			
a. Hợp nhất	140	68,5	48,96%
b. Công ty mẹ	110	100,29	91,17%
4. Tổng giá trị đầu tư (tỷ đồng)			
a. Toàn Tổng công ty	160,4	69,2	43,14%
b. Công ty mẹ	120,3	48,8	40,52%

- Kinh tế thế giới năm 2025 đầy biến động, tiếp tục gặp nhiều rủi ro, bất định khi xung đột vũ trang, giao tranh tại những điểm nóng chưa chấm dứt do cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc và chủ nghĩa dân tộc đe dọa an ninh, hòa bình của khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, việc Mỹ khởi xướng chính sách thuế "đối ứng" đã làm bùng phát cuộc chiến thuế quan trên thế giới; thiên tai, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng... tạo ra thách thức ngày càng gia tăng đối với đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh lương thực và các cân đối lớn của nền kinh tế. Tuy nhiên, chính sách thuế quan thực tế sau đó của Hoa Kỳ thấp hơn so với công bố ban đầu; đà giảm lạm phát ở nhiều quốc gia có xu hướng chững lại; một số ngân hàng TW bước đầu giảm lãi suất và áp dụng các chính sách vĩ mô khác để thúc đẩy tăng trưởng; tiềm năng của công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo trở thành xu thế mới và động lực quan trọng để nâng cao sức cạnh tranh, nâng cao năng suất lao động của các quốc gia...

- Trong nước, năm 2025 có ý nghĩa rất quan trọng: là năm cuối Kế hoạch 5 năm (2021-2025), năm thực hiện cách mạng về tổ chức bộ máy Chính phủ, sắp xếp lại đơn vị hành chính các cấp và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; nhiều chính sách mới của Đảng, Nhà nước nhanh chóng đi vào cuộc sống như các Nghị quyết về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế tư nhân... Các hoạt động diễu binh, diễu hành nhân Lễ kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 02/9, Lễ kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước... đã khơi dậy niềm tự hào dân tộc, tạo động lực lớn cho Nhân dân cả nước. Trong năm 2025, kinh tế nước ta đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: mưa, bão gây ngập lụt nghiêm trọng, lũ quét và sạt lở đất tại các địa phương đã ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của doanh nghiệp và đời sống của nhân dân. Trong bối cảnh đó, dưới sự chỉ đạo linh hoạt, quyết liệt, kịp thời, hiệu quả của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và toàn dân đã nỗ lực thực hiện đồng bộ nhiệm vụ, giải pháp; từ đó, nền kinh tế nước ta đạt được kết quả toàn diện, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát... Trong đó có một số chỉ tiêu cơ bản ảnh hưởng tới kết quả SXKD của Tổng công ty PLC như sau:

+ GDP năm 2025 ước đạt 514 tỷ USD, tăng 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025; GDP bình quân tăng 326 USD/người so với năm 2024; kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 475 tỷ USD, tăng 17 % so với năm trước; nhập khẩu ước đạt 455 tỷ USD, tăng 19,4 % so với năm 2024, thặng dư thương mại hàng hóa xuất siêu 20 tỷ USD.

+ Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm nay tăng 3,31 % so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay có xu hướng tăng, tỷ giá được điều hành chủ động, linh hoạt, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô (Tỷ giá VND/USD bình quân năm 2025 tăng 3,92% thấp hơn của năm trước là 4,91%).

Tổng công ty đã nỗ lực vượt qua khó khăn trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu mà Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 đã thông qua, cụ thể:

- Tổng sản lượng tiêu thụ toàn Tổng công ty: 438.324 m3/tấn, bằng 106,69% kế hoạch năm.
- Tổng doanh thu thuần hợp nhất: 7.774.048 triệu đồng, bằng 101,88% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 68.542 triệu đồng, bằng 48,96% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 26.985 triệu đồng, bằng 24,09% kế hoạch năm.
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế hợp nhất/ Vốn điều lệ bq là 3,34%.
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế hợp nhất/Vốn CSH bq (ROE hợp nhất) là 2,17%.
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế hợp nhất/Tổng tài sản bq (ROA hợp nhất) là 0,67%.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu là 334 (đồng/CP).

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

• Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty:

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã triển khai thực hiện tích cực, kịp thời các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao theo đúng định hướng và chiến lược của Tổng công ty.

- Năm 2025, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tổ chức 15 phiên họp/ họp liên tịch trực tiếp và tổ chức lấy ý kiến các Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty bằng văn bản 56 lần để ban hành các nghị quyết, quyết định, văn bản về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các cuộc họp/ họp liên tịch của Hội đồng quản trị Tổng công ty diễn ra nghiêm túc, thuận lợi cho các thành viên tham gia. Các Thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia, thảo luận thẳng thắn, có trách nhiệm đối với những nội dung cuộc họp của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

- Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành 30 Nghị quyết, 79 Quyết định và một số văn bản theo thẩm quyền để quản lý và định hướng các hoạt động của Tổng công ty; đồng thời tổ chức công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty mẹ, 2 Công ty con và công ty liên kết nhằm đảm bảo các Đơn vị hoạt động theo đúng các kế hoạch, mục tiêu và chiến lược phát triển của Tổng công ty.

- Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tích cực chỉ đạo các hoạt động của Tổng công ty thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 18/04/2025. Tuy nhiên năm 2025, Tổng công ty có 2 chỉ tiêu: Lợi nhuận thực hiện đạt thấp và Tỷ lệ trả Cổ tức sẽ không đạt so với kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua.

• Hoạt động của Tổng giám đốc Tổng công ty và các cán bộ quản lý khác:

- Tổng giám đốc Tổng công ty và các cán bộ quản lý khác đã có nỗ lực trong triển khai thực hiện các Nghị quyết, chỉ đạo của Hội đồng quản trị Tổng công ty; trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn lao động, an toàn cháy nổ, an toàn vệ sinh môi trường, nhưng chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch Lợi nhuận.

- Ban kiểm soát nhận thấy nhìn chung Tổng giám đốc Tổng công ty và các cán bộ quản lý khác đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trên cơ sở tuân thủ các quy định của Tổng công ty và của Pháp luật.

• Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị Tổng công ty, Tổng giám đốc Tổng công ty:

- Sự phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị Tổng công ty, Tổng giám đốc Tổng công ty và các cán bộ quản lý khác được duy trì thường xuyên; thông qua các hình thức trao đổi trực tiếp, thư điện tử (E-mail) và văn bản. Sự phối hợp này đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy định của Tổng Công ty và vì lợi ích chung của toàn Tổng công ty:

- Các văn bản, tài liệu của Ban kiểm soát như: kế hoạch hoạt động, chương trình giám sát, biên bản họp Ban kiểm soát, biên bản kiểm tra giám sát, các báo cáo định kỳ của Ban kiểm soát đều được gửi tới Hội đồng quản trị Tổng công ty theo quy định;

- Các văn bản, tài liệu Ban Tổng giám đốc Tổng công ty gửi Hội đồng quản trị Tổng công ty đều được gửi tới Ban kiểm soát, các văn bản tài liệu Hội đồng quản trị Tổng công ty định hướng chỉ đạo cũng được gửi cho Ban kiểm soát theo quy định.

- Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp/ họp liên tịch của Hội đồng quản trị và đưa ra những ý kiến đóng góp với Hội đồng quản trị Tổng công ty trong phạm vi chức năng, quyền hạn của Ban kiểm soát.

- Hội đồng quản trị Tổng công ty, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty và các cán bộ quản lý khác đã tích cực phối hợp và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định.

NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Để hoạt động SXKD của Tổng công ty tiếp tục phát triển an toàn, hiệu quả, Ban kiểm soát kiến nghị với HĐQT, Tổng giám đốc một số nội dung sau:

- Tiếp tục rà soát đánh giá để tái cấu trúc mô hình cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nội bộ; Rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn tại các công ty con và công ty liên kết.

- Bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD, không ngừng tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường,

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong tất cả lĩnh vực hoạt động nhằm phát hiện ngăn ngừa và hạn chế thấp nhất rủi ro có thể xảy ra.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025

Năm 2026, Ban kiểm soát tập trung thực hiện Kế hoạch công tác giám sát đã xây dựng tại văn bản số 01-26/PLC-KH-BKS ngày 08/01/2026 với các nội dung trọng tâm sau đây:

01 Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ thường niên 2025 của Tổng công ty PLC, HĐQT Tổng công ty PLC; công tác điều hanh tổ chức hoạt động SXKD của Tổng giám đốc.

02 Tham gia giám sát, thẩm định việc xây các Kế hoạch SXKD, đầu tư xây dựng, tài chính tổng hợp năm 2025

03 Thẩm định các Báo cáo tài chính 2024

04 Lập báo cáo giám sát hoạt động của Tổng công ty PLC năm 2024 và 6 tháng năm 2025 gửi Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

05 Chuẩn bị các nội dung Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông năm 2025 theo quy định hiện hành.

06 Giám sát, Kiểm tra chuyên đề "Kết quả điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh", " Công tác thị trường và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh" tại Tổng công ty PLC và các Công ty con.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH:

- Việc trả tiền lương, tiền thưởng và các thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng Tổng công ty và Chủ tịch HĐTV, Giám đốc Công ty con được trả theo quy chế tiền lương, tiền thưởng và các quy định hiện hành của Tập đoàn và Tổng công ty PLC gắn với năng suất lao động và hiệu quả công việc.

- Mức lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua. Theo đó, Tổng QTL và thù lao HĐQT năm 2025 là: 2,668 tỷ đồng.

- Lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2025 thực hiện theo phương án được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua. Theo đó, Tổng lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2025 là 1,459 tỷ đồng.

- Các thu nhập khác thực hiện theo quy định về chính sách đối với người lao động của Nhà nước và của Tổng công ty.

4 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ:

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

- Giao dịch cổ phiếu của người có liên quan: Không có

- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

HĐQT Tổng công ty PLC luôn nghiêm túc thực hiện các quy định về quản trị Công ty, thực hiện công bố thông tin đúng quy định.

CHƯƠNG VI

Báo Cáo Phát Triển Bền Vững

1. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 70
2. MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN 71
3. TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG 73
4. HIỆU QUẢ KINH TẾ 75
5. TIÊU CHUẨN XÃ HỘI 76

1. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2025:

Trước tình hình diễn biến phức tạp của thị trường, lạm phát gia tăng, tình hình giá xăng dầu biến động do ảnh hưởng cuộc chiến Nga - Ucraina, Palestine - Israel, căng thẳng Biển đỏ ... Trên cơ sở đánh giá, dự báo tình hình năm 2024, Tổng công ty PLC đặt ra 3 nhiệm vụ trọng tâm cho mục tiêu phát triển bền vững như sau:

Thực hiện mục tiêu kép vừa đảm bảo sản xuất kinh doanh hiệu quả theo các chỉ tiêu kế hoạch Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Tập đoàn XDVN) giao vừa phải nâng cao đời sống, thu nhập CB-NLĐ trong toàn hệ thống Tổng công ty PLC.

Tiếp tục chú trọng công tác chuyển đổi số, đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới tiết kiệm nhiên liệu, thân thiện với môi trường.

Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của CB-NLĐ; có các giải pháp, chương trình hành động nhằm động viên, khuyến khích CB-NLĐ gắn bó lâu dài với Tổng công ty PLC.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG VÀ DÀI HẠN CỦA TỔNG CÔNG TY PLC

Về kinh tế

Tiếp tục duy trì và phát triển cao hơn nữa các thành quả đạt được trong năm 2025 trên cơ sở ưu tiên đảm bảo an toàn tuyệt đối trong mọi hoạt động SXKD trên cơ sở nền tảng quản trị vững chắc, định hướng, chỉ đạo sát sao của HĐQT Tổng công ty PLC và của Tập đoàn XDVN.

Về môi trường

(i) Tiếp tục đầu tư và nâng cao trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường nhằm giảm thiểu tối đa ô nhiễm môi trường, đảm bảo sức khỏe cho CB-NLĐ, khách hàng; (ii) Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới tiết kiệm nhiên liệu, thân thiện với môi trường, mang lại giá trị thương hiệu cho Tổng công ty PLC, đồng thời không ngừng đổi mới, sáng tạo để có thể hội nhập sâu rộng hơn trong khu vực.

Về xã hội

Giữ vững mục tiêu là doanh nghiệp phát triển kinh tế hiệu quả gắn liền với phát triển bền vững, thực hiện đầy đủ trách nhiệm với xã hội và cộng đồng thông qua việc tạo việc làm ổn định, bền vững cho CB-NLĐ; góp phần phát triển kinh tế địa phương; hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước cũng như tích vực trong công tác an sinh xã hội.

2. MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tổng công ty PLC luôn xác định rõ sự thương hiệu và thành công của Tổng công ty PLC phải gắn liền thương hiệu Petrolimex cùng với việc xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan. Các giá trị văn hóa cốt lõi của Tổng công ty PLC nằm trong giá trị cốt lõi của Petrolimex, về Giá trị thương hiệu (Di sản, Tận Tâm, Tiên Phong) là nguyên tắc trong việc xây dựng mối quan hệ bền vững của Tổng công ty PLC nhằm mang lại giá trị, lợi ích không ngừng gia tăng lâu dài cho các bên liên quan.

Các bên liên quan là những đối tượng có khả năng ảnh hưởng tới hoạt động của Tổng công ty PLC, hoặc chịu ảnh hưởng từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Petrolimex. Theo đó, các bên liên quan đến Tổng công ty PLC: Tập đoàn XDVN và Các cơ quan quản lý Nhà nước; Khách hàng; Đối tác; Cổ đông, Nhà đầu tư; Cộng đồng và CB-NLĐ PLC.

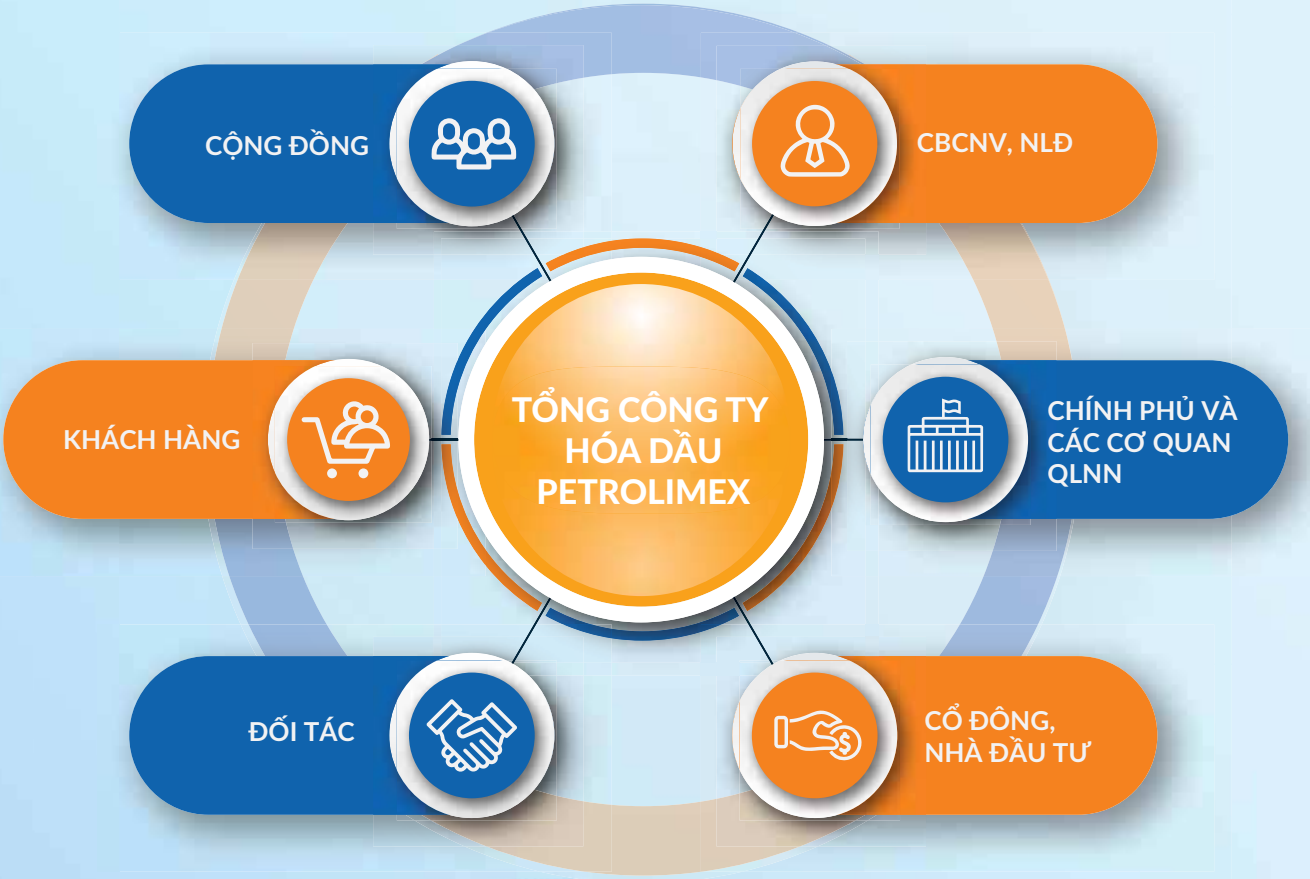

* NGUYÊN TẮC TIẾP CẬN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

TRONG NỘI BỘ PLC:

- Sự tin cậy, lòng nhiệt huyết, tinh thần trách nhiệm và sự lạc quan là sợi dây kết nối giữa mỗi con người trong hệ thống Tổng công ty PLC và Petrolimex;

- Nhân lực là nguồn tài nguyên quý giá của doanh nghiệp, mỗi cá nhân đều nhận được sự hỗ trợ cần thiết nhằm phát huy tinh thần sáng tạo, nâng cao năng lực bản thân vì mục tiêu chung tạo động lực thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Mỗi cá nhân cần tuân thủ theo chính sách của Tổng công ty PLC trong khi nỗ lực để nâng cao hiệu quả kinh doanh và quảng bá cho hình ảnh của doanh nghiệp.

VỚI ĐỐI TÁC:

- Luôn nỗ lực, phấn đấu để duy trì và phát triển hình ảnh, thương hiệu một Tổng công ty PLC đáng tin cậy, đầy nhiệt huyết trong tâm trí đối tác.

- Tuân thủ quy trình đàm phán, quy trình giao dịch trên tinh thần đối xử công bằng và trách nhiệm theo đúng quy tắc đạo đức với nhà cung cấp và bạn hàng để xây dựng mối quan hệ lâu dài và bền vững.

VỚI PHÁP LUẬT, TẬP ĐOÀN VÀ CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

- Tuân thủ mọi quy định của Tập đoàn XDVN và Pháp luật của nhà nước.

- Chủ động rà soát việc áp dụng, thi hành các văn bản quy phạm pháp luật trong quản lý doanh nghiệp, từ đó liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung, sửa đổi hệ thống văn bản quy phạm nội bộ.

VỚI CỘNG ĐỒNG

- Cam kết đóng góp cho sự phát triển của đất nước thông qua các giá trị kinh tế.

- Cam kết đóng góp cho cộng đồng thông qua các chương trình thúc đẩy sự phát triển, phúc lợi và bảo vệ sức khỏe cho cho cộng đồng các địa phương, các chương trình giáo dục thế hệ trẻ...

VỚI KHÁCH HÀNG

- Chủ động đặt ra những tiêu chuẩn cao nhất cho chất lượng sản phẩm, dịch vụ đưa ra thị trường, từ đó sẵn sàng cam kết rằng khách hàng có thể tin tưởng vào sản phẩm và dịch vụ của PLC.

- Luôn quan tâm và lắng nghe nhu cầu khách hàng. Chủ động tìm giải pháp để xử lý kịp thời các vướng mắc trong quá trình khách hàng sử dụng dịch vụ, sản phẩm của PLC một cách lịch sự, công bằng để duy trì và củng cố sự tín nhiệm của khách hàng với PLC.

VỚI CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

- Cam kết phục vụ vì lợi ích cao nhất của cổ đông, đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển phần vốn góp của cổ đông cũng như tối đa giá trị cổ phiếu của doanh nghiệp.

- Cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời và minh bạch về hoạt động của doanh nghiệp. Duy trì các chương trình kiểm toán chuyên nghiệp và cam kết đưa ra các báo cáo chất lượng, chính trực và minh bạch.

* PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN CÁC BÊN LIÊN QUAN

VỚI CHÍNH PHỦ, CƠ QUAN QLNN:

Tiếp tục tích cực áp dụng triển khai các chủ trương, chính sách, quy định mới của nhà nước; Tích cực tham gia và đóng góp ý kiến tại các hội nghị, hội thảo và chương trình làm việc chuyên ngành; Tích cực tương tác, chủ động đề xuất và đóng góp ý kiến điều chỉnh, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật; Tham gia các hội nghị, các tổ chức, hiệp hội.

VỚI CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

Gặp gỡ, tham vấn tại ĐHĐCĐ trực tiếp/trực tuyến; Trao đổi với các cổ đông lớn liên quan đến các dự án đầu tư, kinh doanh; Tổ chức các chương trình gặp gỡ, giao lưu với nhà đầu tư/Quỹ đầu tư; Tham vấn, lấy ý kiến bằng văn bản, email, mạng xã hội ...; Phát hành báo cáo thường niên...

VỚI KHÁCH HÀNG

Cung cấp các sản phẩm đáp ứng yêu cầu của khách hàng; Tham vấn lấy ý kiến, lắng nghe khách hàng trực tiếp/trực tuyến, qua email, mạng xã hội ...; Cập nhật thông tin qua các phương tiện truyền thông đại chúng.

VỚI ĐỐI TÁC

Đàm phán trong các chương trình làm việc, hội nghị trực tiếp/trực tuyến; Tiếp nhận thông tin phản hồi qua các kênh: email, điện thoại, văn bản.

VỚI CỘNG ĐỒNG

Phối hợp với chính quyền địa phương; Phổ biến và nâng cao nhận thức về an toàn môi trường.

VỚI CB-NLĐ

Tổ chức đối thoại với NLĐ theo quy định; Phản hồi và trao đổi qua email hoặc điện thoại; Tổ chức các buổi làm việc trực tuyến; Làm việc qua tổ chức công đoàn; Khảo sát ý kiến CB-NLĐ.

3. TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI

XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

Khối lượng nước thải sinh hoạt trung bình của các Nhà máy/Kho của PLC: 18,8 m3/ngày đêm. Quá trình sản xuất, bảo quản hàng hóa tại các Nhà máy/Kho của PLC không sử dụng nước và không phát sinh nước thải trong quá trình sản xuất. Lượng nước phát sinh từ các Nhà máy/Kho chủ yếu là nước mưa chảy tràn bề mặt và nước sinh hoạt của khu nhà văn phòng.

Nước thải được thu gom vào rãnh thoát nước của Nhà máy, được xử lý qua các bể lắng gạn, sau đó đi vào hệ thống thoát nước của các Tổng kho xăng dầu trực thuộc Petrolimex trước khi chảy ra môi trường.

CHẤT THẢI RẮN (CTR):

Khối lượng chất thải sinh hoạt trung bình tại các Nhà máy/Kho của PLC là 305 kg/tháng; các nhà máy Nhựa đường là 4.310 kg/tháng)

Chất thải sinh hoạt sau khi thu gom tại các Nhà máy/Kho sẽ chuyển giao cho các công ty môi trường thu gom, xử lý như Công ty TNHH môi trường Đô thị Hải Phòng; Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Công ích Huyện Nhà Bè và Xí nghiệp Môi trường đô thị Gia Lâm. Tại 7 nhà máy Nhựa đường chất thải sinh hoạt sau khi thu gom tại các Nhà máy sẽ chuyển giao cho các công ty môi trường thu gom, xử lý như Công ty TNHH môi trường Đô thị Hải Phòng; Công ty Cổ phần xư lý môi trường Nghệ An; Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng; Công ty CP Môi trường Bình Định; Công ty CP Đô Thị Cam Ranh; Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Công ích Huyện Nhà Bè và Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cần Thơ.

PLC đã thực hiện khai báo hàng năm cơ sở dữ liệu môi trường định kỳ của PLC ngành Công thương;

Cập nhật và thực hiện đầy đủ các quy định, thông tư hướng dẫn mới về công tác bảo vệ môi trường của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tập đoàn XDVN.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU:

Nguyên vật liệu chính để sản xuất và pha chế dầu mỡ nhờn của PLC là dầu gốc và phụ gia, đều phải nhập khẩu từ nước ngoài đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và theo tiêu chuẩn chất lượng do PLC công bố. PLC không sử dụng nguyên liệu tái chế để sản xuất sản phẩm.

Các sản phẩm bao bì, đóng gói thành phẩm dầu mỡ nhờn của PLC được sản xuất trong nước và là bao bì mới, không sử dụng bao bì tái chế. Các nhà cung cấp bao bì cho PLC đều đáp ứng các yêu cầu về quản lý môi trường.

PLC có quy trình xử lý sản phẩm mất phẩm chất. Các sản phẩm này được PLC ký hợp đồng với các nhà cung cấp dịch vụ xử lý chất thải nguy hại được Nhà nước cấp phép thực hiện.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Là đơn vị kinh doanh các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, là các sản phẩm năng lượng không tái tạo, PLC luôn ý thức sử dụng tiết kiệm nhất nguyên liệu cũng như năng lượng điện và nhiên liệu hóa thạch.

GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Việc tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh vừa nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời thể hiện trách nhiệm với môi trường và xã hội. Việc cải tạo và nâng cấp hệ thống sản xuất hiện nay tại các nhà máy, đưa công nghệ mới vào sản xuất và bảo quản hàng hóa, chính là phương pháp mà Tổng công ty PLC áp dụng để tiết kiệm nguồn năng lượng hiện đang sử dụng.

PLC thực hiện giải pháp chiếu sáng tiết kiệm theo quy định về chiếu sáng tại Văn phòng và các khu vực sản xuất tại các Nhà máy/Kho: Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường, Hóa chất. Thống nhất sử dụng đèn Led thay thế cho đèn huỳnh quang để tiết kiệm năng lượng, đảm bảo các điều kiện an toàn vệ sinh lao động, an toàn phòng cháy và chữa cháy và tính thẩm mỹ. Bổ sung các tấm lấy sáng trên mái và trên vách nhà để lấy sáng tự nhiên tiết kiệm điện chiếu sáng tại các Kho/Nhà máy.

PLC thực hiện việc bảo dưỡng sửa chữa định kỳ các thiết bị, dây chuyền sản xuất theo đúng kế hoạch để nâng cao hiệu suất vận hành, giảm tiêu tốn điện năng. Tại Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex thực hiện triển khai chuyển đổi nhiên liệu sử dụng cho chạy lò gia nhiệt từ FO sang LPG)

NƯỚC

Quá trình sản xuất, bảo quản hàng hóa tại các Nhà máy/Kho của Tổng công ty PLC không sử dụng nước và không phát sinh nước thải trong quá trình sản xuất.

Khối lượng nước tiêu thụ chủ yếu là để phục vụ cho sinh hoạt của khu nhà văn phòng.

Một lượng nước nhỏ chủ yếu được sử dụng làm nước dự trữ cứu hỏa, nước vệ sinh công nghiệp, lượng nước này không thuộc đối tượng phải theo dõi theo quy định của Luật Tài nguyên nước. Lượng nước này tùy theo chất lượng và mục đích sử dụng sẽ được kiểm soát trước khi thải ra môi trường. Đối với nước vệ sinh công nghiệp có lẫn dầu mỡ sẽ được đưa vào hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

PLC nhận thức được trách nhiệm của mình trong công tác bảo vệ môi trường. Trong quá trình sản xuất, kinh doanh, Tổng công ty PLC đã phân công và bố trí cán bộ cập nhật và tuân thủ các quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

Thực hiện các quy định của pháp luật về đánh giá tác động môi trường trước khi thực hiện dự án xây dựng và trong quá trình vận hành các Nhà máy dầu nhờn, Tổng công ty PLC đều lập báo cáo và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và lập kế hoạch bảo vệ môi trường.

Thông qua việc giám sát môi trường, Tổng công ty PLC có thể nhận định: chất lượng môi trường không khí, các thông số vi khí hậu và nước thải tại các khu vực Thượng Lý, Nhà Bè, Đức Giang và các khu vực khác có Nhà máy/Kho của Tổng công ty PLC đều đạt tiêu chuẩn cho phép. Sự quan tâm và ý thức bảo vệ môi trường đã được phổ biến, quán triệt tới toàn thể cán bộ, người lao động của PLC để thực hiện nghiêm các qui định của pháp luật.

Bên cạnh việc đầu tư, phát triển hệ thống và công nghệ xử lý, Tổng công ty PLC tiếp tục tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, xem công tác bảo vệ môi trường là mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Thông qua các chương trình làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường, Tổng công ty PLC đã có cơ hội được cập nhật, bổ sung các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường để trên cơ sở đó tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ, tài liệu, thực hiện nghiêm các quy trình trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

4. HIỆU QUẢ KINH TẾ

LẬP BẢNG SỐ LIỆU TÌNH HÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025:

ĐVT: Triệu đồng

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	6.868.374	8.600.983	7.960.654	6.931.744	7.774.048
Lợi nhuận trước thuế	220.718	184.289	141.122	70.395	68.542
Lợi nhuận sau thuế	174.474	116.957	101.918	43.221	26.985
Nộp ngân sách nhà nước	694.442	803.502	717.997	619.796	816.801
Tổng tài sản	4.827.917	4.621.257	4.239.387	4.079.955	3.935.544
Nợ phải trả	3.454.420	3.392.612	2.925.911	2.830.304	2.699.353
Vốn chủ sở hữu	1.373.497	1.228.645	1.313.476	1.249.651	1.236.192
Vồn cổ phần của chủ sở hữu	807.988	807.988	807.988	807.988	807.988

BẢNG DOANH THU THEO VÙNG ĐỊA LÝ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025:

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Doanh thu theo vùng địa lý		Tổng doanh thu
	Trong lãnh thổ Việt Nam	Ngoài lãnh thổ Việt Nam	
2021	6.663.026	205.348	6.868.374
2023	8.343.884	257.099	8.600.983
2023	7.713.017	247.637	7.960.654
2024	6.694.703	237.041	6.931.744
2025	7.326.312	447.735	7.774.048

KHOẢN ĐÓNG GÓP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tổng tiền thuế Tổng công ty nộp Ngân sách nhà nước trong năm 2025 là 818.708 triệu đồng, trong đó nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là 23.972 triệu đồng.

5. TIÊU CHUẨN XÃ HỘI

QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

TỔNG QUAN VỀ LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

Trải qua hơn 30 năm xây dựng và trưởng thành, các thế hệ lãnh đạo tại Tổng công ty PLC luôn trân trọng những giá trị do người lao động tạo ra và đóng góp vào thành công chung của Tổng công ty PLC. Có thể nói, Tổng công ty PLC đã xây dựng được nguồn nhân lực vững mạnh, giàu nhiệt huyết, giỏi chuyên môn và gắn bó lâu dài với Tổng công ty. Do đó, Tổng công ty PLC không ngừng nâng cao các chính sách đãi ngộ, phúc lợi cho nhân viên nhằm tạo niềm tin và sự gắn kết lâu dài với Tổng công ty PLC.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Toàn Tổng công ty PLC tính đến 31/12/2025 gồm có 758 người, giảm tuyệt đối 02 lao động so với năm 2025.

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Về tiền lương, thu nhập :

Tổng công ty thực hiện giao và quyết toán tiền lương cho các đơn vị theo lao động định biên, ngày càng gắn tiền lương với năng suất lao động và hiệu quả công việc, hướng dẫn các đơn vị cơ sở thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động theo Quy chế.

Tiền lương bình quân của người lao động năm 2025 toàn Tổng công ty là 22,6 triệu đồng/người/tháng.

Về các chế độ, chính sách đối với người lao động:

100% NLĐ đều được lập sổ và đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ theo quy định của pháp luật, mua bảo hiểm tai nạn 24/24 giờ cho toàn thể NLĐ. Áp dụng các biện pháp chống nóng, cải thiện điều kiện làm việc và sản xuất; Toàn Tổng công ty đã tổ chức tốt việc khám sức khỏe định kỳ, khám điều trị bệnh nghề nghiệp cho NLĐ, tổ chức khám bệnh chuyên khoa cho NLĐ nữ: 1 lần /năm theo đúng cam kết tại Thỏa ước LĐTT.

Kế hoạch BHLĐ của Tổng công ty, Công ty Nhựa đường, Công ty Hóa chất được xây dựng và triển khai thực hiện tốt, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ bồi dưỡng hiện vật, độc hại, trang cấp và sử dụng các phương tiện cá nhân theo tiêu chuẩn quy định có lợi nhất cho người lao động, bổ sung

thêm một số trang thiết bị bảo hộ chuyên ngành, đặc chủng cho NLĐ. Ngoài quần áo BHLĐ, Tổng công ty còn trang cấp đồng phục PLC cho CB-NLĐ.

Về chế độ ăn ca, bồi dưỡng hiện vật, trang bị bảo hộ lao động... đã thực hiện đầy đủ, đúng chế độ theo quy định.

Về các chế độ khác: Ngoài thực hiện chi trả các khoản theo quy định của Nhà nước và Tập đoàn, Tổng công ty còn áp dụng thêm các chính sách: Tặng quà cho Người lao động nhân ngày lễ tết, ngày thành lập Tổng công ty và khi về nghỉ hưu; Hỗ trợ công tác phí cho người lao động làm việc xa nhà; Tổ chức thăm hỏi hiếu, hỷ; Trợ cấp đột xuất cho CB-NLĐ khi gặp khó khăn, hoạn nạn ....

HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Công tác khuyến học và chăm sóc thiếu niên, nhi đồng:

Tổng công ty tặng quà cho con CB - NLĐ trong độ tuổi thiếu niên, nhi đồng vào các dịp Quốc tế Thiếu nhi - 1/6 và Tết Trung thu; Thưởng cho con CB-NLĐ đạt học sinh giỏi trong học tập và đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp.

Công tác an sinh - xã hội:

Năm 2025, Tổng công ty PLC đã thực hiện tốt nhiều hoạt động xã hội như: ủng hộ hội khuyến học, hội người cao tuổi, nạn nhân chất độc màu da cam, hội bảo trợ người già tàn tật và trẻ mồ côi, quỹ vì người nghèo, nhà tình thương, đồng bào bị thiên tai bão lụt, thảm họa, trường học, thương binh, gia đình liệt sĩ, sinh viên nghèo vượt khó....

Vận động CB-NLĐ toàn Tổng công ty phát huy truyền thống tương thân tương ái, đóng góp hỗ trợ cho những gia đình ĐV-NLĐ bị ảnh hưởng trực tiếp bởi bão lũ. Công đoàn Tổng công ty PLC đã đến tận nơi thăm hỏi và trao quà đến ĐV-NLĐ bị ảnh hưởng tại Hải Phòng, Quảng Ninh, Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang, Đà Nẵng, Huế, Gia Lai, Đắc Lắc với tổng số tiền là 507 triệu đồng.

CHƯƠNG VII

Báo cáo tài chính hợp nhất

1 THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP 80

2 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 81

3 BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP 82

4 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN 84

5 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 87

6 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 88

7 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 90

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY

Quyết định cổ phần hóa số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ("Tổng công ty"), tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 1 tháng 3 năm 2004.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0101463614 ngày 11 tháng 7 năm 2025

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 11 tháng 7 năm 2025.

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Tạo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên
Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Khương	Thành viên
Ông Phan Quang Phú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Long	Thành viên (từ ngày 18/4/2025)
Ông Trần Tuấn Linh	Thành viên (đến ngày 18/4/2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quang Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Khương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Long	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Diễm Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Hồng Sáng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Phạm Tuấn Phương	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Đinh Thị Kiều Trang	Thành viên Ban Kiểm soát

Trụ sở đăng ký **Tầng 18&19, Số 229 Phố Tây Sơn**
Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán **Công ty TNHH KPMG Việt Nam**

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ("Tổng công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP PLC

Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ("Tổng công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 25-02-00188-26-2

Wang Toon Kim
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Trương Tuyết Mai
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2024-007-1

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**3.120.313.284.493**	**3.238.681.107.303**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**494.625.957.151**	**298.965.403.934**
Tiền	111		315.320.626.238	153.008.853.628
Các khoản tương đương tiền	112		179.305.330.913	145.956.550.306
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**625.000.000.000**	**645.707.573.826**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	625.000.000.000	645.707.573.826
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**957.579.739.639**	**1.205.966.310.749**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.186.400.447.876	1.390.452.021.017
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		29.968.123.757	40.257.041.062
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	21.038.447.027	26.029.047.581
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(279.827.279.021)	(250.771.798.911)
Hàng tồn kho	**140**	**10**	**990.085.719.901**	**1.054.340.570.108**
Hàng tồn kho	141		1.045.753.988.264	1.055.287.848.581
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(55.668.268.363)	(947.278.473)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**53.021.867.802**	**33.701.248.686**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.941.890.405	2.235.801.392
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.782.128.852	28.249.582.802
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18	18.297.848.545	3.215.864.492

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025 (TIẾP THEO)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN				
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	**200**		**815.231.075.586**	**841.273.695.611**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**6.480.087.514**	**6.267.821.574**
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	6.480.087.514	6.267.821.574
Tài sản cố định	**220**		**605.580.611.503**	**641.644.077.421**
Tài sản cố định hữu hình	221	11	593.720.161.302	630.171.867.089
Nguyên giá	222		1.812.507.078.989	1.768.798.419.778
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.218.786.917.687)	(1.138.626.552.689)
Tài sản cố định vô hình	227	12	11.860.450.201	11.472.210.332
Nguyên giá	228		24.953.119.780	22.639.693.331
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.092.669.579)	(11.167.482.999)
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**23.238.236.547**	**10.737.047.324**
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	23.238.236.547	10.737.047.324
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	-	-
Tài sản dài hạn khác	**260**		**179.932.140.022**	**182.624.749.292**
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	178.594.380.747	182.583.030.824
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	1.337.759.275	41.718.468
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**3.935.544.360.079**	**4.079.954.802.914**

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025 (TIẾP THEO)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**2.699.352.531.838**	**2.830.303.546.674**
Nợ ngắn hạn	**310**		**2.660.854.552.402**	**2.812.477.395.506**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	452.103.488.315	948.228.132.539
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		38.154.158.706	47.437.995.192
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	41.915.168.341	28.740.380.571
Phải trả người lao động	314		77.117.573.411	49.560.559.146
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	11.386.014.836	3.600.438.804
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	7.900.477.123	6.638.270.402
Vay ngắn hạn	320	21	2.028.172.822.065	1.718.987.017.001
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	4.104.849.605	9.284.601.851
Nợ dài hạn	**330**		**38.497.979.436**	**17.826.151.168**
Phải trả dài hạn khác	**337**		**2.000.000.000**	**2.000.000.000**
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	36.497.979.436	15.826.151.168
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**1.236.191.828.241**	**1.249.651.256.240**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**23**	**1.236.191.828.241**	**1.249.651.256.240**
Vốn cổ phần	411	24	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	24	(12.730.000)	(12.730.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(163.132.342)	(461.527.516)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	376.761.705.288	376.558.072.023
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.605.333.825	20.949.385.468
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		26.985.011.470	40.602.416.265
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		-	(2.618.615.815)
- LNST năm nay	421b		26.985.011.470	43.221.032.080
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**3.935.544.360.079**	**4.079.954.802.914**

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Quang Hưng	Phương Thảo Hiền	Lê Quang Tuấn
Kế toán viên	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2024VND
Doanh thu bán hàng	**01**	**27**	**7.774.047.625.194**	**6.931.744.246.143**
Giá vốn hàng bán	**11**	**29**	**6.772.161.874.264**	**6.109.063.760.422**
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	**20**		**1.001.885.750.930**	**822.680.485.721**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	68.845.319.431	55.480.363.321
Chi phí tài chính	22	31	123.469.555.092	130.384.990.689
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		101.338.610.094	85.578.831.730
Chi phí bán hàng	25	32	676.204.889.977	571.820.416.809
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	204.217.448.796	110.675.995.771
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	**30**		**66.839.176.496**	**65.279.445.773**
Thu nhập khác	31		3.280.559.476	8.316.246.966
Chi phí khác	32		1.577.854.564	3.200.475.439
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	**40**		**1.702.704.912**	**5.115.771.527**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**68.541.881.408**	**70.395.217.300**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**35**	**22.181.082.477**	**16.008.272.953**
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	**52**	**35**	**19.375.787.461**	**11.165.912.267**
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**26.985.011.470**	**43.221.032.080**
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của công ty mẹ	61		26.985.011.470	43.221.032.080
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	334	535

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Quang Hưng	Phương Thảo Hiền	Lê Quang Tuấn
Kế toán viên	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025 (PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Mẫu B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	**01**	**68.541.881.408**	**70.395.217.300**
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	96.264.939.830	98.631.882.901
Các khoản dự phòng	03	83.776.470.000	(32.637.295.167)
Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.957.978.644)	2.822.518.056
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(37.507.216.218)	(28.229.250.945)
Chi phí lãi vay	06	101.338.610.094	85.578.831.730
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**	**310.456.706.470**	**196.561.903.875**
Biến động các khoản phải thu	09	196.656.035.144	86.574.925.030
Biến động hàng tồn kho	10	9.533.860.317	318.033.104.013
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(472.958.473.246)	(441.222.408.747)
Biến động chi phí trả trước	12	(8.614.381)	(21.122.343.452)
		43.679.514.304	**138.825.180.719**
Tiền lãi vay đã trả	14	(98.593.725.622)	(85.068.289.721)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(23.972.153.240)	(34.660.677.372)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.179.752.246)	(13.204.204.209)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(84.066.116.804)**	**5.892.009.417**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(50.658.900.555)	(41.501.935.978)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	310.210.580	265.545.453
Tiền chi mua công cụ nợ	23	(1.380.945.650.000)	(1.129.224.078.210)
Tiền bán lại công cụ nợ	24	1.401.653.223.826	890.591.457.593
Tiền thu lãi tiền gửi	27	40.519.094.042	28.656.204.717
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**10.877.977.893**	**(251.212.806.425)**

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025
(PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Mẫu B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	5.254.071.128.905	4.678.813.001.566
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.944.878.909.347)	(4.324.939.829.557)
Tiền trả cổ tức	36	(40.323.153.350)	(96.775.568.040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**268.869.066.208**	**257.097.603.969**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**195.680.927.297**	**11.776.806.961**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**	**298.965.403.934**	**287.643.594.652**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	**61**	**(20.374.080)**	**(454.997.679)**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm **(70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)**	**70**	**494.625.957.151**	**298.965.403.934**

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Quang Hưng	Phương Thảo Hiền	Lê Quang Tuấn
Kế toán viên	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP PLC

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ("Tổng công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ("Petrolimex"), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty bao gồm Tổng công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động chính được cấp phép của Tổng công ty và các công ty con là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

CChu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng công ty có 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2 (1/1/2025: 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2) như sau:

			31/12/2025 và 1/1/2025
	Hoạt động chính	**Địa chỉ**	**% sở hữu và % quyền biểu quyết**
Công ty con cấp 1			
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Hà Nội	100%
Công ty con cấp 2			
Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào (*)	Nhập khẩu và kinh doanh	Viêng-chăn, Lào	100%

(*) **Đây là công ty con của Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex. Công ty được thành lập trong năm 2017.**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng công ty có 1 công ty liên kết (1/1/2025: 1 công ty liên kết) được trình bày tại Thuyết minh 14.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng công ty và các công ty con có 758 nhân viên (1/1/2025: 760 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) ***Công ty con***

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại công ty liên kết.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c)Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. ***Khấu hao***
Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

(ii) Khấu hao

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc, thiết bị	4 – 20 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 - 10 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) ***Chi phí đầu tư sàn văn phòng***

Chi phí đầu tư sàn văn phòng là chi phí trả trước cho việc thuê văn phòng tại Tầng 18 và Tầng 19 Tòa nhà Mipec, Số 229 Tây Sơn, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm thuê đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở từ 43 đến 46 năm.

(ii) ***Chi phí đất trả trước***

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản

cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) ***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(iv) ***Chi phí sửa chữa lớn***

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(v) ***Chi phí trả trước khác***

Chi phí trả trước khác chủ yếu bao gồm chi phí vận tải trả trước và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(m) Vốn cổ phần

(i) ***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) ***Mua lại cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá

(ii) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(p) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay

sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty sau khi trừ số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm kết thúc cùng ngày, Tổng công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý do Tổng công ty và các công ty con chủ yếu thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ("Tập đoàn") và các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được cấu trúc theo mô hình công ty mẹ - công ty con và mỗi công ty thực hiện kinh doanh trên từng ngành hàng riêng biệt như sau:

- Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn;
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex và Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng nhựa đường; và
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex: Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất có nguồn gốc từ dầu mỏ.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.967.523.858.147	3.899.285.392.181	1.907.238.374.866	-	7.774.047.625.194
Doanh thu giữa các bộ phận	517.894.258.147	103.309.600	-	(517.997.567.747)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	2.485.418.116.294	3.899.388.701.781	1.907.238.374.866	(517.997.567.747)	7.774.047.625.194
Giá vốn hàng bán	1.989.502.036.632	3.435.750.797.281	1.863.659.831.323	(516.750.790.972)	6.772.161.874.264
Chi phí bán hàng	281.823.439.626	305.885.668.959	88.495.781.392	-	676.204.889.977
Chi phí quản lý doanh nghiệp	94.984.775.526	79.664.594.215	29.568.079.055	-	204.217.448.796
Kết quả kinh doanh của bộ phận	119.107.864.510	78.087.641.326	(74.485.316.904)	(1.246.776.775)	121.463.412.157
Doanh thu hoạt động tài chính	37.245.222.131	47.011.947.345	8.150.697.208	(23.562.547.253)	68.845.319.431
Chi phí tài chính	137.917.021.783	51.884.335.490	38.274.115.937	(104.605.918.118)	123.469.555.092
Thu nhập khác	2.225.756.767	907.610.828	147.191.881	-	3.280.559.476
Chi phí khác	1.415.331.382	18.148.818	144.374.364	-	1.577.854.564
Kết quả từ các hoạt động khác	(99.861.374.267)	(3.982.926.135)	(30.120.601.212)	81.043.370.865	(52.921.530.749)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.246.490.243	74.104.715.191	(104.605.918.116)	79.796.594.090	68.541.881.408
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.869.714.405	15.311.368.072	-	-	22.181.082.477
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(1.296.040.807)	-	20.671.828.268	19.375.787.461
Lợi nhuận thuần sau thuế	12.376.775.838	60.089.387.926	(104.605.918.116)	59.124.765.822	26.985.011.470

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.835.234.690.310	3.112.199.829.822	1.984.309.726.011	-	6.931.744.246.143
Doanh thu giữa các bộ phận	7.407.994.233	568.327.379	-	(7.976.321.612)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.842.642.684.543	3.112.768.157.201	1.984.309.726.011	(7.976.321.612)	6.931.744.246.143
Giá vốn hàng bán	1.382.691.020.105	2.846.917.926.950	1.887.431.134.979	(7.976.321.612)	6.109.063.760.422
Chi phí bán hàng	257.773.212.912	234.487.654.498	79.559.549.399	-	571.820.416.809
Chi phí quản lý doanh nghiệp	89.405.673.670	6.446.955.959	14.823.366.142	-	110.675.995.771
Kết quả kinh doanh của bộ phận	112.772.777.856	24.915.619.794	2.495.675.491	-	140.184.073.141
Doanh thu hoạt động tài chính	27.346.170.073	34.266.331.025	9.891.125.333	(16.023.263.110)	55.480.363.321
Chi phí tài chính	66.501.000.062	51.287.241.387	59.837.407.897	(47.240.658.657)	130.384.990.689
Phần lỗ trong công ty liên kết	4.791.123.674	2.659.100.563	866.022.729	-	8.316.246.966
Thu nhập khác	2.890.994.027	14.652.719	294.828.693	-	3.200.475.439
Chi phí khác	2.824.551.923	99.381.183	566.378.104	-	3.490.311.210
Kết quả từ các hoạt động khác	(37.254.700.342)	(14.376.462.518)	(49.375.088.528)	31.217.395.547	(69.788.855.841)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	75.518.077.514	10.539.157.276	(46.879.413.037)	31.217.395.547	70.395.217.300
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.986.291.257	3.021.981.696	-	-	16.008.272.953
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	1.017.478.026	-	10.148.434.241	11.165.912.267
Lợi nhuận thuần sau thuế	62.531.786.257	6.499.697.554	(46.879.413.037)	21.068.961.306	43.221.032.080

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	212.789.246.036	263.220.795.938	18.615.915.177	-	494.625.957.151
Đầu tư tài chính ngắn hạn	75.000.000.000	550.000.000.000	-	-	625.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	611.186.057.759	385.168.294.100	444.776.964.865	(483.551.577.085)	957.579.739.639
Hàng tồn kho	545.809.037.775	204.045.895.417	241.477.563.484	(1.246.776.775)	990.085.719.901
Tài sản ngắn hạn khác	16.508.307.425	18.569.180.299	17.944.380.078	-	53.021.867.802
Các khoản phải thu dài hạn	1.128.000.000	4.502.330.077	849.757.437	-	6.480.087.514
Tài sản cố định	240.652.278.082	243.845.732.938	121.082.600.483	-	605.580.611.503
Tài sản dở dang dài hạn	9.164.615.130	14.073.621.417	-	-	23.238.236.547
Đầu tư tài chính dài hạn	432.922.405.912	-	-	(432.922.405.912)	-
Tài sản dài hạn khác	75.224.404.941	34.629.718.757	70.078.016.324	-	179.932.140.022
					-
Tổng tài sản	2.220.384.353.060	1.718.055.568.943	914.825.197.848	(917.720.759.772)	3.935.544.360.079
Nguồn vốn					
Nợ ngắn hạn	990.842.079.130	1.310.261.258.421	843.302.791.936	(483.551.577.085)	2.660.854.552.402
Nợ dài hạn	2.000.000.000	191.815.975	-	36.306.163.461	38.497.979.436
Vốn chủ sở hữu	1.227.542.273.930	407.602.494.547	71.522.405.912	(470.475.346.148)	1.236.191.828.241
Tổng nguồn vốn	2.220.384.353.060	1.718.055.568.943	914.825.197.848	(917.720.759.772)	3.935.544.360.079
Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Chi tiêu vốn	42.079.770.508	8.564.299.400	14.830.647	-	50.658.900.555
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	43.023.101.586	31.571.518.382	14.804.111.593	-	89.398.731.561
Khấu hao tài sản cố định vô hình	1.411.869.258	306.224.814	207.092.508	-	1.925.186.580

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01 tháng 01 năm 2025

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.985.556.982	203.014.034.295	30.965.812.657	-	298.965.403.934
Đầu tư tài chính ngắn hạn	185.000.000.000	458.707.573.826	2.000.000.000	-	645.707.573.826
Các khoản phải thu ngắn hạn	156.289.166.101	423.361.915.480	649.387.626.137	(23.072.396.969)	1.205.966.310.749
Hàng tồn kho	517.055.913.768	292.317.199.938	244.967.456.402	-	1.054.340.570.108
Tài sản ngắn hạn khác	1.589.258.601	16.209.543.748	15.902.446.337	-	33.701.248.686
Các khoản phải thu dài hạn	1.128.000.000	4.290.064.137	849.757.437	-	6.267.821.574
Tài sản cố định	236.499.716.127	269.050.556.710	136.093.804.584	-	641.644.077.421
Tài sản dở dang dài hạn	9.023.751.918	1.078.279.809	635.015.597	-	10.737.047.324
Đầu tư tài chính dài hạn	537.528.324.030	-	-	(537.528.324.030)	-
Tài sản dài hạn khác	73.797.546.004	32.455.962.506	76.371.240.782	-	182.624.749.292
Tổng tài sản	1.782.897.233.531	1.700.485.130.449	1.157.173.159.933	(560.600.720.999)	4.079.954.802.914
Nguồn vốn					
Nợ ngắn hạn	525.332.952.439	1.329.172.004.131	981.044.835.905	(23.072.396.969)	2.812.477.395.506
Nợ dài hạn	2.000.000.000	191.815.975	-	15.634.335.193	17.826.151.168
Vốn chủ sở hữu	1.255.564.281.092	371.121.310.343	176.128.324.028	(553.162.659.223)	1.249.651.256.240
Tổng nguồn vốn	1.782.897.233.531	1.700.485.130.449	1.157.173.159.933	(560.600.720.999)	4.079.954.802.914
Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Chi tiêu vốn	31.659.641.808	5.074.643.887	4.767.650.283	-	41.501.935.978
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	42.804.152.560	33.789.649.387	15.757.778.526	-	92.351.580.473
Khấu hao tài sản cố định vô hình	824.225.240	382.550.465	132.505.015	-	1.339.280.720

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	8.689.981.506	8.189.319.261
Tiền gửi ngân hàng	306.391.688.585	144.819.534.367
Tiền đang chuyển	238.956.147	-
Các khoản tương đương tiền (*)	179.305.330.913	145.956.550.306
	494.625.957.151	**298.965.403.934**

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các tổ chức tài chính, hưởng lãi suất năm từ 1,5% đến 5,5% một năm (1/1/2025: từ 1,45% đến 4,5% một năm).

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 đến 6 tháng tại các tổ chức tài chính, hưởng lãi suất từ 5,7% đến 7,0% một năm (1/1/2025: từ 2,9% đến 6% một năm).

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	142.491.085	369.817.800
Các công ty con của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Tĩnh	3.694.900.177	1.187.739.871
Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ	997.309.978	3.423.609.401
Công ty TNHH MTV Petrolimex Nghệ An	919.807.948	3.674.799.530
Các công ty con khác của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	47.410.161.561	48.218.920.228
	53.164.670.749	***56.874.886.830***
Các bên khác		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ	93.215.758.253	134.166.374.593
Hà Anh Phát	116.883.264.877	91.700.004.492
Công ty TNHH Thương mại Hà Anh Phát	68.376.403.310	36.611.830.817
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Việt Quang Phát	3.537.122.840	119.735.967.932
Các khách hàng khác	851.223.227.847	951.362.956.353
	1.133.235.777.127	**1.333.577.134.187**
	1.186.400.447.876	**1.390.452.021.017**

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	12.902.794.619	14.038.039.075
Lãi tiền gửi dự thu	4.163.666.659	7.485.755.063
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.971.985.749	4.505.253.443
	21.038.447.027	**26.029.047.581**

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đặt cọc cho dự án Kho Nhựa Đường	4.502.330.077	3.825.000.000
Đặt cọc cho sử dụng dịch vụ khu công nghiệp	1.535.419.200	1.535.419.200
Đặt cọc thuê văn phòng	442.338.237	907.402.374
	6.480.087.514	**6.267.821.574**

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

31/12/2025	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn			
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	21.521.426.737	(3.788.155.420)	17.733.271.317
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	20.852.508.828	(16.107.103.738)	4.745.405.090
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	5.826.088.597	(4.289.563.819)	1.536.524.778
Từ 3 năm trở lên	275.692.429.015	(255.642.456.044)	20.049.972.971
	323.892.453.177	**(279.827.279.021)**	**44.065.174.156**
Trong đó:			
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn		(279.827.279.021)	

1/1/2025	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn			
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	8.266.657.271	(787.767.125)	7.478.890.146
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.388.196.154	(1.930.999.702)	3.457.196.452
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	22.020.334.078	(15.080.508.225)	6.939.825.853
Từ 3 năm trở lên	252.479.079.491	(232.972.523.859)	19.506.555.632
	288.154.266.994	**(250.771.798.911)**	**37.382.468.083**
Trong đó:			
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn		(250.771.798.911)	

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	250.771.798.911	284.356.372.551
Trích lập dự phòng trong năm	34.794.469.302	1.051.411.414
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(5.738.989.192)	(34.635.985.054)
Số dư cuối năm	**279.827.279.021**	**250.771.798.911**

10. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	74.204.101.855	-	146.476.007.670	-
Nguyên vật liệu	297.822.597.856	-	234.448.435.903	-
Công cụ và dụng cụ	22.459.620.979	-	23.521.259.194	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	45.961.268.231	-	47.212.269.685	-
Thành phẩm	195.621.585.653	-	198.153.643.527	-
Hàng hóa	409.684.813.690	(55.668.268.363)	405.476.232.602	(947.278.473)
	1.045.753.988.264	**(55.668.268.363)**	**1.055.287.848.581**	**(947.278.473)**

11.Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	854.133.450.987	622.909.141.686	247.921.113.196	43.834.713.909	1.768.798.419.778
Tăng trong năm	3.251.158.455	27.067.049.982	1.526.878.182	12.409.040.248	44.254.126.867
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.952.100.000	5.700.400.051	-	8.652.500.051
Thanh lý	(1.621.153.980)	(6.440.335.730)	(1.193.224.545)	(72.690.000)	(9.327.404.255)
Phân loại lại	(1.639.132.928)	775.221.150	(710.746.581)	1.574.658.359	-
Điều chỉnh khác	59.858.584	-	56.808.941	12.769.023	129.436.548
Số dư cuối năm	854.184.181.118	647.263.177.088	253.301.229.244	57.758.491.539	1.812.507.078.989
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	491.195.157.190	424.356.633.225	188.734.817.350	34.339.944.924	1.138.626.552.689
Khấu hao trong năm	39.639.702.254	34.244.379.696	12.278.726.701	3.235.922.910	89.398.731.561
Thanh lý và xóa sổ	(1.621.153.980)	(6.440.335.730)	(1.193.224.545)	(72.690.000)	(9.327.404.255)
Phân loại lại	(2.410.090.372)	(473.132.802)	1.079.056.677	1.804.166.497	-
Điều chỉnh khác	22.430.551	-	56.808.936	9.798.205	89.037.692
Số dư cuối năm	526.826.045.643	451.687.544.389	200.956.185.119	39.317.142.536	1.218.786.917.687
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	362.938.293.797	198.552.508.461	59.186.295.846	9.494.768.985	630.171.867.089
Số dư cuối năm	327.358.135.475	195.575.632.699	52.345.044.125	18.441.349.003	593.720.161.302

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản với nguyên giá 435.559 triệu VND (1/1/2025: 387.127 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng. vẫn đang được sử dụng.

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	22.639.693.331
Tăng trong kỳ	1.361.426.449
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	952.000.000
Số dư cuối năm	24.953.119.780
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	11.167.482.999
Khấu hao trong năm	1.925.186.580
Số dư cuối năm	13.092.669.579
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	11.472.210.332
Số dư cuối năm	11.860.450.201

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản với nguyên giá 7.265 triệu VND (1/1/2025: 7.355 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	10.737.047.324	16.160.621.141
Tăng trong năm	22.885.165.148	12.395.773.036
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(8.652.500.051)	(4.934.964.183)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(952.000.000)	(6.325.900.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(649.846.244)	(6.548.543.770)
Giảm khác	(129.629.630)	(9.938.900)
Số dư cuối năm	23.238.236.547	10.737.047.324

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP		
Dự án Kho Đà Nẵng	8.275.751.918	8.275.751.918
Tài sản chờ lắp đặt và các công trình khác	888.863.212	748.000.000
	9.164.615.130	9.023.751.918
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex		
Dự án cải tạo, mở rộng Kho Cửa Lò	8.951.322.916	430.130.892
Hệ thống tự động xuất hàng nhà máy Thượng Lý	2.184.873.000	-
Dự án xây dựng Kho Cam Ranh	463.250.776	463.250.776
Các dự án khác	2.474.174.725	184.898.141
	14.073.621.417	1.078.279.809
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex		
Các dự án khác	-	635.015.597
	23.238.236.547	10.737.047.324

14. Đầu tư tài chính dài hạn

	Địa chỉ	31/12/2025 và 1/1/2025			
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	6.600.000	43,78%	66.000.000.000	-

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì trong năm số lượng giao dịch các cổ phiếu tương ứng của đơn vị này ít và do đó giá cổ phiếu không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đầu tư sàn văn phòng VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	56.260.354.735	65.109.133.106	17.335.136.881	29.905.575.276	13.972.830.826	182.583.030.824
Tăng trong năm	-	-	9.095.795.347	23.334.944.392	2.686.987.002	35.117.726.741
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	649.846.244	649.846.244
Phân bổ trong năm	(2.045.686.421)	(2.895.335.268)	(8.042.481.066)	(22.100.698.490)	(4.672.021.817)	(39.756.223.062)
Số dư cuối năm	54.214.668.314	62.213.797.838	18.388.451.162	31.139.821.178	12.637.642.255	178.594.380.747

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Dự phòng phải thu khó đòi	20%	1.337.759.275	41.718.468
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Dự phòng đầu tư tài chính	20%	36.555.518.818	15.634.335.194
Khác	10 - 14%	(57.539.382)	191.815.974
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		36.497.979.436	15.826.151.168
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần		35.160.220.161	15.784.432.700

17. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Castrol BP PETCO – công ty liên kết của công ty mẹ	212.759.615	428.359.912
Các công ty con của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ	7.187.467.997	4.004.981.344
	7.400.227.612	4.433.341.256
Các bên khác		
Hiin Asia Pacific Pte. Ltd.	132.646.974.548	278.457.666.325
Exxon Mobil Asia Ltd	30.798.095.921	54.083.697.451
Kempar Energy Pte. Ltd	-	215.654.477.314
LC Upas	-	106.553.211.984
Itochu Singapore Pte Ltd	-	24.875.649.510
Các nhà cung cấp khác	281.258.190.234	264.170.088.699
	444.703.260.703	943.794.791.283
	452.103.488.315	948.228.132.539

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 60 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

18. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2025		Số phát sinh trong năm			31/12/2025	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã khấu trừ VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.788.440.077	1.513.027.805.062	(176.290.530.994)	(1.336.276.391.866)	-	2.249.322.279
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	82.700.593	-	547.454.599.475	(547.454.599.475)	-	82.700.593	-
Thuế nhập khẩu	232.509.061	-	6.236.234.845	(6.003.725.784)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.065.589.888	2.887.164.802	22.181.082.477	(23.972.153.240)	-	15.583.557.137	14.614.061.288
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.961.295.640	30.679.065.640	(30.449.234.400)	-	-	3.191.126.880
Thuế thu nhập cá nhân	670.219.950	1.077.555.735	8.927.748.319	(9.516.290.019)	-	633.313.794	452.107.879
Phí tái chế bảo vệ môi trường	-	19.937.684.948	22.582.347.928	(21.116.498.237)	-	-	21.403.534.639
Thuế khác	164.845.000	88.239.369	1.988.672.540	(3.905.328.554)	-	1.998.277.021	5.015.376
	3.215.864.492	28.740.380.571	2.153.077.556.286	(818.708.360.703)	(1.336.276.391.866)	18.297.848.545	41.915.168.341

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí hỗ trợ bán dầu mỡ nhờn	6.949.787.685	2.302.432.831
Chi phí lãi vay dự trả	3.837.692.151	1.092.807.679
Chi phí phải trả khác	598.535.000	205.198.294
	11.386.014.836	3.600.438.804

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải trả cổ tức	2.488.353.120	2.412.723.470
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	2.929.426.198	3.638.293.740
Các khoản phải trả khác	2.482.697.805	587.253.192
	7.900.477.123	6.638.270.402

21. Vay ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm			31/12/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Vay VND	Trả nợ vay VND	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại VND	
Vay ngắn hạn	1.718.987.017.001	5.254.071.128.905	(4.944.878.909.347)	(6.414.494)	2.028.172.822.065

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	313.768.129.907	94.466.374.291
Ngân hàng BNP Paribas	VND	323.370.293.858	104.485.315.882
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	516.058.830.556	565.042.514.474
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	VND	172.189.547.962	202.255.595.914
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	268.085.778.370	35.749.348.649
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	215.308.238.690	359.749.086.080
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	VND	19.124.813.115	107.990.230.609
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	142.002.376.025	42.331.514.768
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	VND	-	123.325.323.964
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	34.212.199.399	83.591.712.370
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	24.052.614.183	-
		2.028.172.822.065	1.718.987.017.001

Các khoản vay còn lại không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay 3 tháng đến 6 tháng.

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	9.284.601.851	16.048.871.807
Trích lập trong năm	-	6.439.934.253
Sử dụng trong năm	(5.179.752.246)	(13.204.204.209)
Số dư cuối năm	4.104.849.605	9.284.601.851

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2024	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(133.835.524)	376.558.072.023	20.951.219.232	104.097.315.963	1.313.475.681.694
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	43.221.032.080	43.221.032.080
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(6.439.934.253)	(6.439.934.253)
Chia cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	-	-	(96.957.079.200)	(96.957.079.200)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	-	-	-	-	(327.691.992)	-	-	-	(327.691.992)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	(1.833.764)	(3.318.918.325)	(3.320.752.089)
Số dư tại ngày 1/1/2025	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(461.527.516)	376.558.072.023	20.949.385.468	40.602.416.265	1.249.651.256.240
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	26.985.011.470	26.985.011.470
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triểnminh 22)	-	-	-	-	-	203.633.265	-	(203.633.265)	-
Chia cổ tức (Thuyết minh số 25)	-	-	-	-	-	-	-	(40.398.783.000)	(40.398.783.000)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	-	-	-	-	298.395.174	-	(344.051.643)	-	(45.656.469)
Số dư tại ngày 31/12/2025	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(163.132.342)	376.761.705.288	20.605.333.825	26.985.011.470	1.236.191.828.241

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	**80.798.839**	**807.988.390.000**
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	VND	**%**
Cổ đông		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100,00%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

25. Cổ tức

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức cho năm 2024 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo tỷ lệ 5% (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 500 VND) bằng tiền mặt với số tiền là 40.398.783.000 VND (năm 2024: chia cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12% với số tiền là 96.957.079.200 VND).

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	49.181.981.877	154.821.317.752

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	565.871	14.668.788.245	373.048	9.564.181.744
Euro (“EUR”)	159	5.040.570	169	4.415.007
Kíp Lào (“LAK”)	649.252.135	764.905.908	319.267.722	356.722.699
		15.438.734.723		9.925.319.450

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	112.895.000.000	110.648.000.000

(d) Cam kết bảo lãnh khoản vay

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng công ty và các công ty con vẫn tiếp tục duy trì cam kết bảo lãnh thanh toán đối với 49,3% khoản vay của Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP – một công ty liên kết của Tổng Công ty và các công ty con, có giá trị ghi sổ là 280.861 triệu VND (1/1/2025: 286.119 triệu VND), bao gồm lãi vay và các chi phí liên quan khác (nếu có) sau khi đã xử lý các biện pháp đảm bảo khác của khoản vay.

28. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế bảo vệ môi trường. Doanh thu thuần của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

	2025 VND	2024 VND
Bán dầu mỡ nhờn	1.941.596.296.186	1.788.032.899.605
Bán nhựa đường	3.899.066.357.061	3.112.768.157.201
Bán hóa chất, dung môi	1.898.948.927.793	1.981.007.178.241
Bán hàng hóa khác	34.436.044.154	49.936.011.096
	7.774.047.625.194	6.931.744.246.143

29. Giá vốn hàng bán

	2025 VND	2024 VND
Giá vốn dầu mỡ nhờn	1.458.868.857.837	1.328.679.941.910
Giá vốn nhựa đường	3.435.750.797.281	2.846.917.926.950
Giá vốn hóa chất, dung môi	1.790.575.339.807	1.886.483.856.506
Giá vốn hàng hóa khác	32.245.889.449	46.034.756.583
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	54.720.989.890	947.278.473
	6.772.161.874.264	6.109.063.760.422

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi	37.197.005.638	27.963.705.492
Lãi chênh lệch tỷ giá	29.843.089.738	24.883.202.797
Lãi hàng bán trả chậm	1.805.224.055	2.633.455.032
	68.845.319.431	55.480.363.321

31. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	101.338.610.094	85.578.831.730
Lỗ chênh lệch tỷ giá	20.420.101.112	43.441.007.124
Chi phí tài chính khác	1.710.843.886	1.365.151.835
	123.469.555.092	130.384.990.689

32. Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	129.730.347.806	98.770.827.764
Chi phí vận chuyển	150.711.363.284	104.655.332.799
Chi phí hỗ trợ bán hàng, quảng cáo, tiếp thị	120.493.645.276	99.362.712.190
Chi phí sửa chữa	12.163.312.891	10.484.857.540
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.259.794.818	47.643.027.338
Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì	34.223.650.153	29.989.037.756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.133.975.534	52.066.865.630
Chi phí bán hàng khác	125.488.800.215	128.847.755.792
	676.204.889.977	571.820.416.809

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	90.386.951.746	71.789.335.134
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.956.840.414	6.526.474.446
Dự phòng phải thu khó đòi	29.055.480.110	(33.584.573.640)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.978.909.048	14.646.269.921
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	50.839.267.478	51.298.489.910
	204.217.448.796	110.675.995.771

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.358.530.559.641	1.247.981.077.677
Chi phí nhân viên	283.936.513.411	199.077.835.038
Chi phí khấu hao và phân bổ	96.264.939.830	98.631.882.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	208.405.658.127	218.558.335.843
Chi phí khác	435.424.317.663	266.507.084.571

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	22.094.064.246	15.163.298.855
Dự phòng thiếu trong những năm trước	87.018.231	844.974.098
	22.181.082.477	16.008.272.953
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	19.375.787.461	11.165.912.267
Chi phí thuế TNDN	41.556.869.938	27.174.185.220

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	68.541.881.408	70.395.217.300
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	13.708.376.281	14.079.043.460
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.222.489.238	2.470.111.791
Dự phòng thiếu trong những năm trước	87.018.231	844.974.098
Chi phí lãi vay không được trừ	6.936.866.383	7.696.575.225

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế của chi nhánh và công ty con	19.845.076.215	1.859.789.939
Sử dụng lỗ tính thuế tại chi nhánh và công ty con	(1.473.394.905)	(476.611.802)
Các khoản khác	230.438.495	700.302.509
Chi phí thuế thu nhập	37.534.280.962	27.174.185.220

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	142.700.511.290	28.540.102.258	136.225.335.280	27.245.024.787
Lỗ tính thuế	118.557.696.761	23.711.539.353	26.699.290.215	5.339.858.043
	261.258.208.051	52.251.641.611	162.924.625.495	32.584.882.830

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số chi phí lãi vay được khấu trừ trong kỳ sau VND
2027	Chưa quyết toán	11.229.870.317
2028	Chưa quyết toán	8.102.445.372
2029	Chưa quyết toán	99.225.381.072
		118.557.696.761

Chênh lệch tạm thời được khấu trừ thể hiện phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 và Nghị định 20/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 2 năm 2025. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số chi phí lãi vay được khấu trừ trong kỳ sau VND
2026	Đã quyết toán	21.796.462.605
2027	Đã quyết toán	16.218.435.751
2028	Đã quyết toán	31.518.616.238
2029	Chưa quyết toán	38.482.664.779
2030	Chưa quyết toán	34.684.331.917
		142.700.511.290

Số chi phí lãi vay đã hết hiệu lực trong năm là 28.209 triệu VND.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(d) Thuế suất áp dụng
Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền như sau:

	2025	2024
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.985.011.470	43.221.032.080
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND	26.985.011.470	43.221.032.080
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân (cổ phiếu)	80.797.566	80.797.566
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	334	535

(*)Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuần thuần của năm 2025 dựa trên ước tính của Ban Tổng Giám đốc Công ty, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con cho năm 2025.

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty mẹ **Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam**		
Cổ tức	31.944.629.500	76.667.110.800
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP		
Bán hàng hóa	1.070.682.200	1.452.689.100
Mua dịch vụ	34.517.039.340	49.980.133.977
Các công ty liên kết của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty TNHH Castrol BP PETCO		
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.868.351.610	7.453.506.991
Các công ty con của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore		
Mua hàng hóa	-	5.601.210.959
Công ty TNHH MTV Petrolimex Nghệ An		
Bán hàng hóa	59.241.549.171	67.067.292.244
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	7.429.289.491	8.258.105.126
Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ		
Bán hàng hóa	38.801.395.001	37.488.195.331
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	29.074.649	1.835.733
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Tĩnh		
Bán hàng hóa	34.234.140.220	35.769.872.830
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	3.593.905	766.277
Các công ty con khác của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Bán hàng hóa	1.370.621.475.947	1.292.297.378.873
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	250.431.352.507	208.210.326.588

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	2025 VND	2024 VND
Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Tiền lương, thù lao và thưởng	841.633.817	1.004.526.921
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	934.362.683	956.692.306
Phó Tổng Giám đốc 1		
Tiền lương và thưởng	812.895.955	716.457.981
Phó Tổng Giám đốc 2		
Tiền lương và thưởng	127.259.816	476.165.981
Phó Tổng Giám đốc 3		
Tiền lương và thưởng	680.455.955	716.457.981
Phó Tổng Giám đốc 4		
Tiền lương và thưởng	681.064.319	53.067.000
Thành viên Hội đồng Quản trị 1		
Tiền lương, thù lao và thưởng	934.362.683	956.692.306
Thành viên Hội đồng Quản trị 2		
Tiền lương, thù lao và thưởng	680.455.955	728.153.981
Thành viên Hội đồng Quản trị 3		
Tiền lương, thù lao và thưởng	812.895.955	716.457.981
Thành viên Hội đồng Quản trị 4		
Tiền lương, thù lao và thưởng	-	69.681.144
Thành viên Hội đồng Quản trị 5		
Tiền lương, thù lao và thưởng	46.998.431	145.630.797
Thành viên Hội đồng Quản trị 6		
Tiền lương, thù lao và thưởng	136.094.431	145.630.797
Thành viên Hội đồng Quản trị 7		
Tiền lương, thù lao và thưởng	138.217.215	73.827.000

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trưởng Ban Kiểm soát		
Tiền lương, thù lao và thưởng	680.455.955	728.153.981
Thành viên Ban Kiểm soát 1		
Tiền lương, thù lao và thưởng	434.450.259	436.799.838
Thành viên Ban Kiểm soát 2		
Tiền lương, thù lao và thưởng	86.887.052	87.359.167

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Quang Hưng	Phương Thảo Hiền	Lê Quang Tuấn
Kế toán viên	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Quang Tuấn

PETROLIMEX

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX

(84-24) 38513205

plc@petrolimex.com.vn

Tầng 18 & 19, Số 229 phố Tây Sơn,
P. Kim Liên, Thành phố Hà Nội